PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

BỘ NGOẠI GIAO

NGHỊ ĐỊNH THƯ

PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Phụ lục 2
"NGHỊ ĐỊNH THƯ PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA"

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI

TẬP III
TỪ MỐC GIỚI SỐ 961 - 1378

(Tiếp theo Công báo số 670 + 671)

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1042

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1042 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2454672,15
18 672886,42</td><td rowspan="3">22° 10' 47,516"
106° 40' 34,312"</td><td>300,08
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>298,58</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1041 đến mốc giới số 1042 là 136° 36' 42", khoảng cách là 1014,14m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1042 đến mốc giới số 1043 là 152° 53' 58", khoảng cách là 521,08m.</td><td colspan="3"> 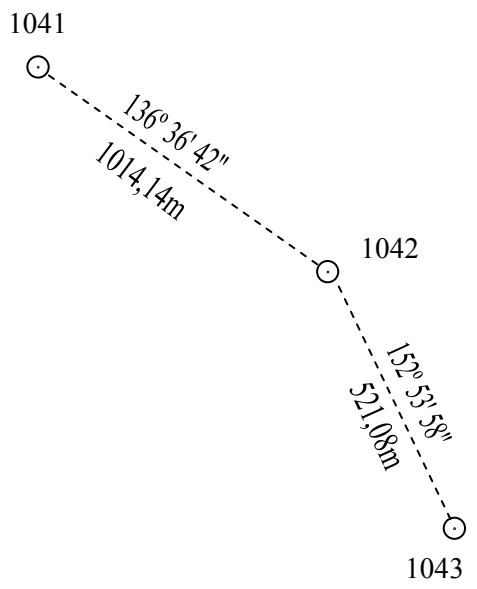
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1043

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1043 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2454208,28
18 673123,80</td><td rowspan="3">22º 10' 32,356"
106º 40' 42,415"</td><td>319,55
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>317,95</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1042 đến mốc giới số 1043 là 152º 53' 58", khoảng cách là 521,08m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1043 đến mốc giới số 1044 là 183º 40' 48", khoảng cách là 581,94m.</td><td colspan="3"> 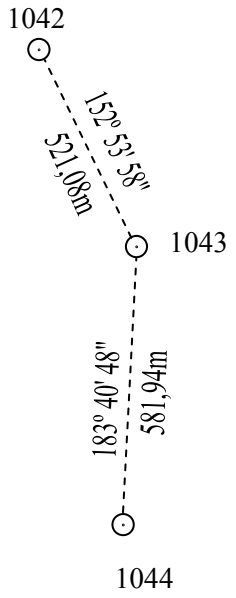
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1044

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1044 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2453627,54
18 673086,45</td><td rowspan="3">22° 10' 13,498"
106° 40' 40,888"</td><td>279,15
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>277,65</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1043 đến mốc giới số 1044 là 183° 40' 48", khoảng cách là 581,94m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1044 đến mốc giới số 1045 là 115° 11' 52", khoảng cách là 792,49m.</td><td colspan="3"> 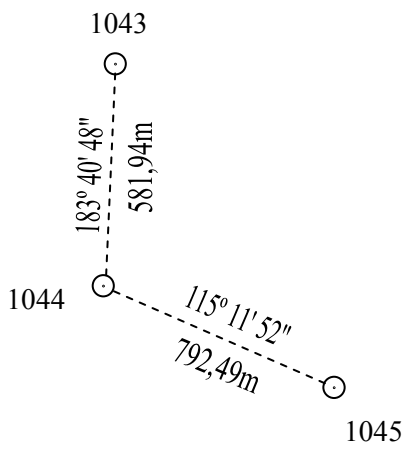
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1045

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1045 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2453290,14
18 673803,53</td><td rowspan="3">22° 10' 02,275"
106° 41' 05,776"</td><td>287,74
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>286,14</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1044 đến mốc giới số 1045 là 115° 11' 52", khoảng cách là 792,49m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1045 đến mốc giới số 1046 là 111° 52' 59", khoảng cách là 705,85m.</td><td colspan="3"> 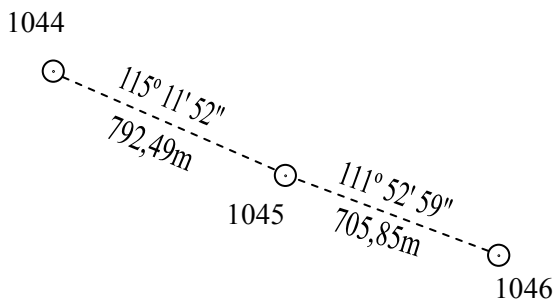
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1046

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn , loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1046 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2453027,06
18 674458,52</td><td rowspan="3">22° 09' 53,490"
106° 41' 28,526"</td><td>292,33
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>290,83</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1045 đến mốc giới số 1046 là 111° 52' 59", khoảng cách là 705,85m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1046 đến mốc giới số 1047 là 93° 57' 31", khoảng cách là 882,46m.</td><td colspan="3"> 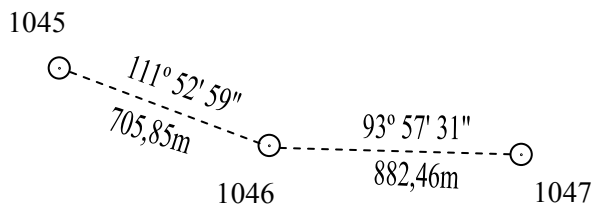
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1047

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1047 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2452966,14
18 675338,87</td><td rowspan="3">22° 09' 51,190"
106° 41' 59,215"</td><td>313,89
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>312,29</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1046 đến mốc giới số 1047 là 93° 57' 31", khoảng cách là 882,46m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1047 đến mốc giới số 1048 là 119° 11' 00", khoảng cách là 583,44m.</td><td colspan="3"> 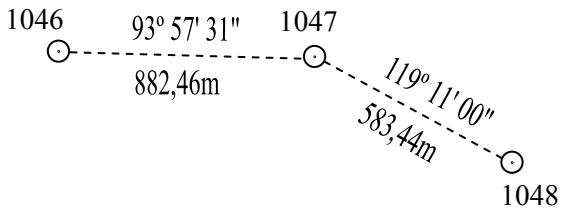
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1048

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1048 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2452681,65
18 675848,25</td><td rowspan="3">22° 09' 41,760"
106° 42' 16,875"</td><td>289,17
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>287,67</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1047 đến mốc giới số 1048 là 119° 11' 00", khoảng cách là 583,44m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1048 đến mốc giới số 1049 là 173° 30' 22", khoảng cách là 715,39m.</td><td colspan="3"> 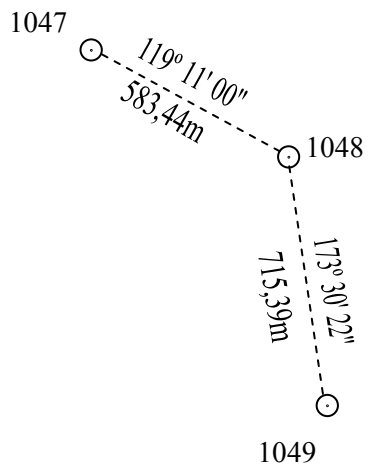
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1049

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1049 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2451970,85
18 675929,16</td><td rowspan="3">22° 09' 18,631"
106° 42' 19,419"</td><td>345,88
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>344,28</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1048 đến mốc giới số 1049 là 173° 30' 22", khoảng cách là 715,39m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1049 đến mốc giới số 1050 là 269° 21' 17", khoảng cách là 680,04m.</td><td colspan="3"> 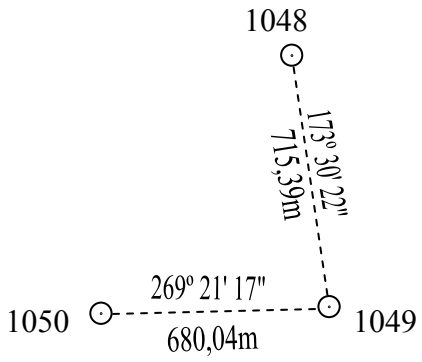
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1050

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1050 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2451963,19
18 675249,16</td><td rowspan="3">22° 09' 18,631"
106° 41' 55,694"</td><td>309,04
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>307,54</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1049 đến mốc giới số 1050 là 269° 21' 17", khoảng cách là 680,04 m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1050 đến mốc giới số 1051 là 199° 29' 51", khoảng cách là 796,61m.</td><td colspan="3"> 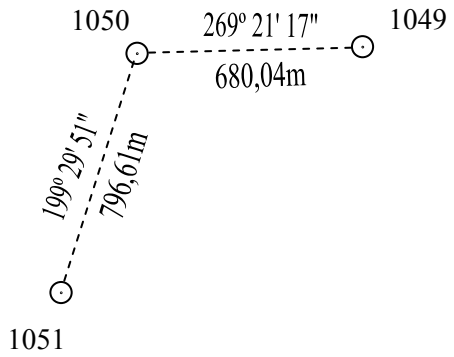
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1051

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1051 đặt trên sống núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2451212,26
18 674983,28</td><td rowspan="3">22° 08' 54,324"
106° 41' 46,126"</td><td>312,47
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>310,87</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1050 đến mốc giới số 1051 là 199° 29' 51", khoảng cách là 796,61m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1051 đến mốc giới số 1052 là 186° 38' 15", khoảng cách là 594,34m.</td><td colspan="3"> 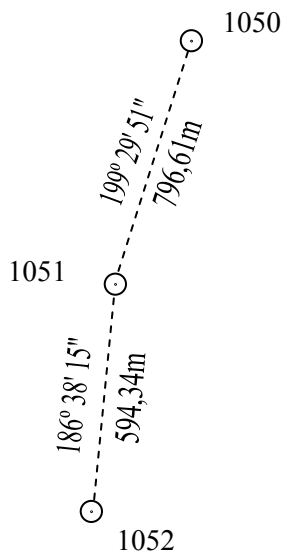
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1052

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 6 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1052 đặt trên đỉnh núi.	2450621,90 18 674914,58	22° 08' 35,165" 106° 41' 43,500"	293,63 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			292,13
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1051 đến mốc giới số 1052 là 186° 38' 15", khoảng cách là 594,34m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1052 đến mốc giới số 1053 là 232° 24' 40", khoảng cách là 614,80m.	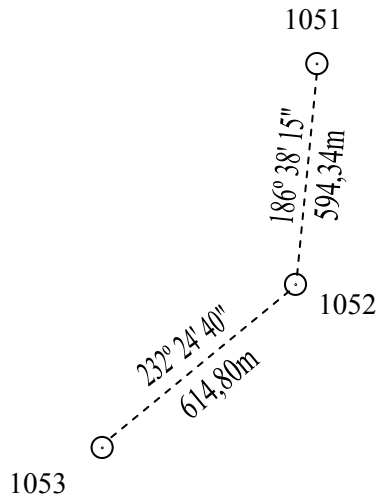		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1053

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1053 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2450246,88
18 674427,41</td><td rowspan="3">22° 08' 23,154"
106° 41' 26,360"</td><td>238,60
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>237,00</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1052 đến mốc giới số 1053 là 232° 24' 40", khoảng cách là 614,80m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1053 đến mốc giới số 1053/1 là 244° 05' 44", khoảng cách là 241,26m.</td><td colspan="3"> 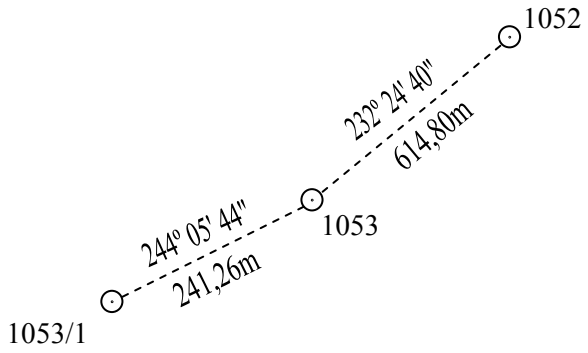
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1053/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1053/1 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2450141,48
18 674210,39</td><td rowspan="3">22° 08' 19,807"
106° 41' 18,749"</td><td>189,67
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>188,47</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1053 đến mốc giới số 1053/1 là 244° 05' 44", khoảng cách là 241,26m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1053/1 đến mốc giới số 1053/2 là 213° 51' 35", khoảng cách là 84,32m.</td><td colspan="3"> 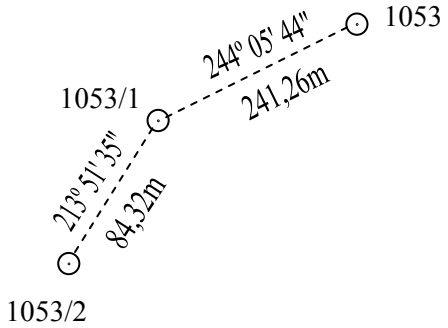
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1053/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1053/2 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2450071,46
18 674163,41</td><td rowspan="3">22° 08' 17,549"
106° 41' 17,084"</td><td>177,87
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>176,67</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1053/1 đến mốc giới số 1053/2 là 213° 51' 35", khoảng cách là 84,32m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1053/2 đến mốc giới số 1054 là 142° 35' 08", khoảng cách là 194,28m.</td><td colspan="3"> 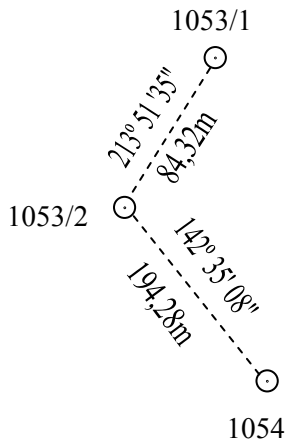
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1054

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 10 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1054 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449917,15
18 674281,45</td><td rowspan="3">22° 08' 12,492"
106° 41' 21,141"</td><td>210,52
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>209,02</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1053/2 đến mốc giới số 1054 là 142° 35' 08", khoảng cách là 194,28m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1054 đến mốc giới số 1054/1 là 127° 51' 11", khoảng cách là 271,90m.</td><td colspan="3"> 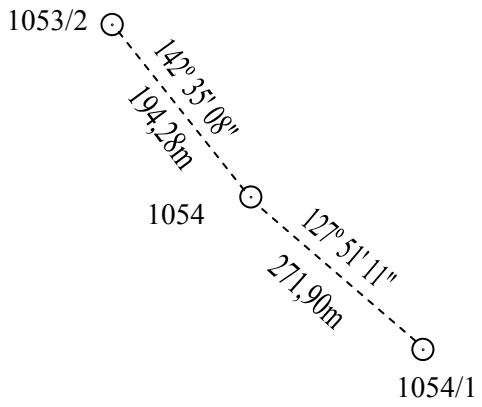
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1054/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 7 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1054/1 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449750,30
18 674496,14</td><td rowspan="3">22° 08' 06,992"
106° 41' 28,565"</td><td>246,88
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>245,68</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1054 đến mốc giới số 1054/1 là 127° 51' 11", khoảng cách là 271,90m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1054/1 đến mốc giới số 1054/2 là 127° 50' 44", khoảng cách là 111,34m.</td><td colspan="3"> 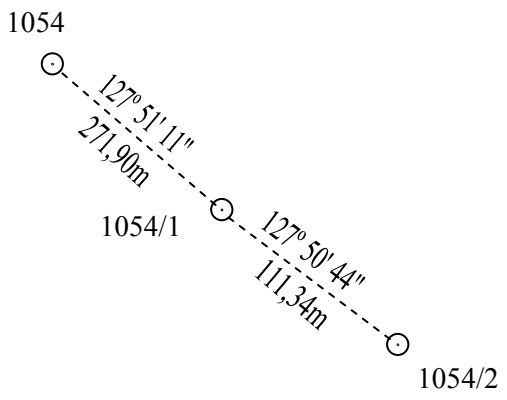
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1054/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 10 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1054/2 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2449681,99
18 674584,06</td><td rowspan="3">22° 08' 04,740"
106° 41' 31,606"</td><td>225,69
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>224,49</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1054/1 đến mốc giới số 1054/2 là 127° 50' 44", khoảng cách là 111,34m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1054/2 đến mốc giới số 1055 là 102° 17' 11", khoảng cách là 134,78m.</td><td colspan="3"> 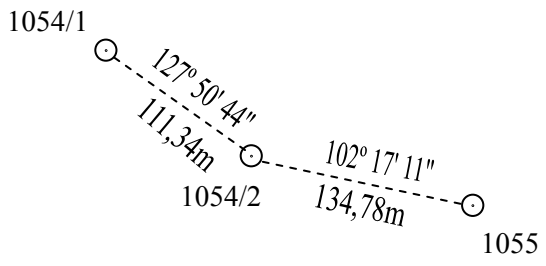
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1055

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 7 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1055 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2449653,31
18 674715,75</td><td rowspan="3">22° 08' 03,761"
106° 41' 36,187"</td><td>200,69
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>199,09</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1054/2 đến mốc giới số 1055 là 102° 17' 11", khoảng cách là 134,78m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1055 đến mốc giới số 1056 là 130° 56' 21", khoảng cách là 63,81m.</td><td colspan="3"> 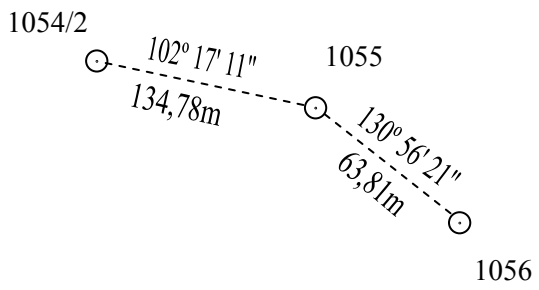
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1056

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 11 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1056 đặt trên sống núi, cạnh đường mòn.	2449611,50 18 674763,95	22° 08' 02,385" 106° 41' 37,853"	211,08 (2,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			208,88
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1055 đến mốc giới số 1056 là 130° 56' 21", khoảng cách là 63,81m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1056 đến mốc giới số 1057 là 128° 04' 40", khoảng cách là 29,98m.	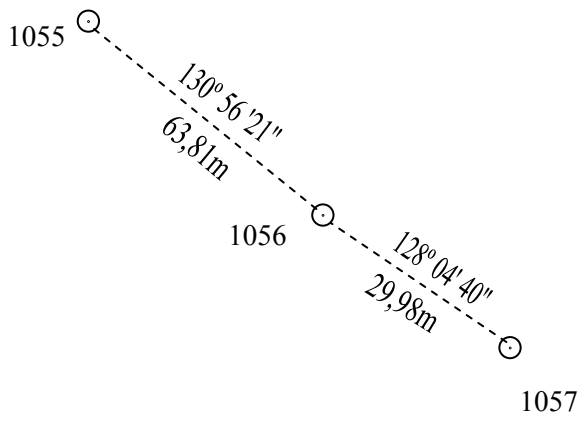		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1057

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1057 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449593,01
18 674787,55</td><td rowspan="3">22° 08' 01,775"
106° 41' 38,669"</td><td>219,92
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>218,32</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1056 đến mốc giới số 1057 là 128° 04' 40", khoảng cách là 29,98m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1057 đến mốc giới số 1058 là 167° 52' 20", khoảng cách là 121,18m.</td><td colspan="3"> 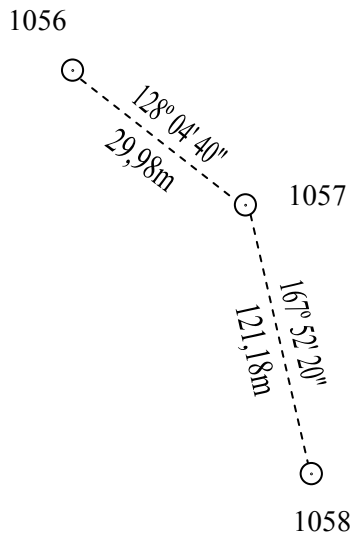
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1058

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1058 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449474,53
18 674813,01</td><td rowspan="3">22° 07' 57,916"
106° 41' 39,511"</td><td>240,09
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>238,59</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1057 đến mốc giới số 1058 là 167° 52' 20", khoảng cách là 121,18m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1058 đến mốc giới số 1058/1 là 195° 00' 55", khoảng cách là 81,48m.</td><td colspan="3"> 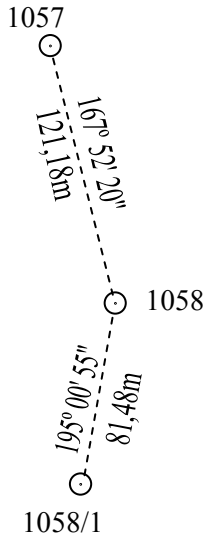
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1058/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1058/1 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449395,83
18 674791,90</td><td rowspan="3">22° 07' 55,366"
106° 41' 38,743"</td><td>240,37
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>239,17</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1058 đến mốc giới số 1058/1 là 195° 00' 55", khoảng cách là 81,48m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1058/1 đến mốc giới số 1058/2 là 207° 04' 11", khoảng cách là 79,72m.</td><td colspan="3"> 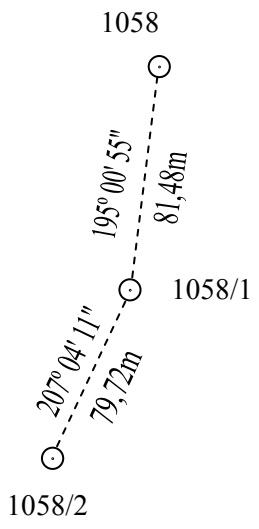
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1058/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1058/2 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449324,84
18 674755,62</td><td rowspan="3">22° 07' 53,072"
106° 41' 37,451"</td><td>242,72
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>241,52</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1058/1 đến mốc giới số 1058/2 là 207° 04' 11", khoảng cách là 79,72m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1058/2 đến mốc giới số 1059 là 209° 08' 00", khoảng cách là 117,86m.</td><td colspan="3"> 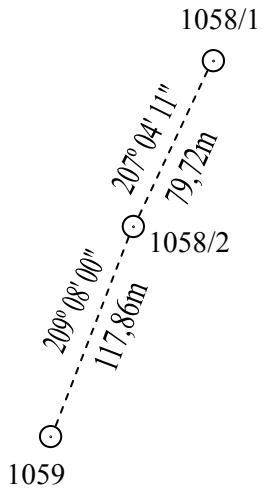
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1059

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 5 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1059 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2449221,89
18 674698,24</td><td rowspan="3">22° 07' 49,747"
106° 41' 35,409"</td><td>250,92
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>249,32</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1058/2 đến mốc giới số 1059 là 209° 08' 00", khoảng cách là 117,86m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1059 đến mốc giới số 1060 là 186° 33' 22", khoảng cách là 955,64m.</td><td colspan="3"> 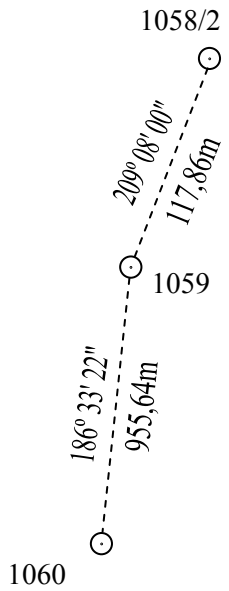
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1060

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1060 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2448272,50
18 674589,13</td><td rowspan="3">22° 07' 18,935"
106° 41' 31,236"</td><td>306,16
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>304,66</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1059 đến mốc giới số 1060 là 186° 33' 22", khoảng cách là 955,64m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1060 đến mốc giới số 1061 là 161° 22' 35", khoảng cách là 400,72m.</td><td colspan="3"> 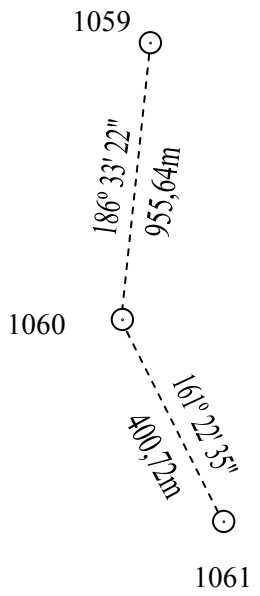
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1061

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1061 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2447892,76
18 674717,10</td><td rowspan="3">22° 07' 06,548"
106° 41' 35,551"</td><td>275,55
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>273,95</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1060 đến mốc giới số 1061 là 161° 22' 35", khoảng cách là 400,72m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1061 đến mốc giới số 1062 là 160° 45' 34", khoảng cách là 706,76m.</td><td colspan="3"> 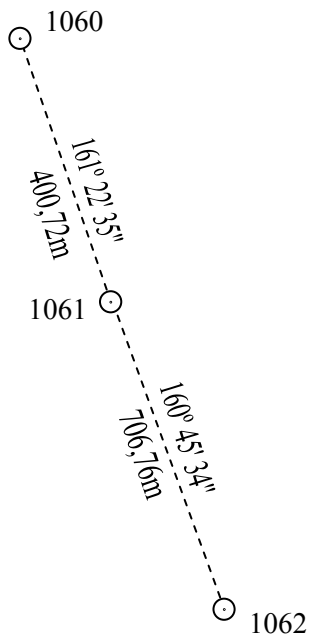
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1062

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1062 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2447225,48
18 674950,00</td><td rowspan="3">22° 06' 44,780"
106° 41' 43,415"</td><td>310,40
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>308,90</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1061 đến mốc giới số 1062 là 160° 45' 34", khoảng cách là 706,76m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1062 đến mốc giới số 1063 là 148° 23' 24", khoảng cách là 526,05m.</td><td colspan="3"> 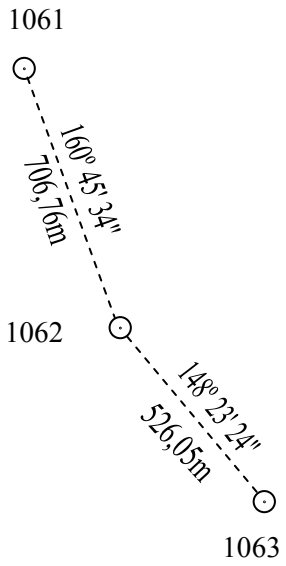
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1063

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1063 đặt trên đỉnh núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2446777,48
18 675225,72</td><td rowspan="3">22° 06' 30,121"
106° 41' 52,856"</td><td>357,37
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>355,77</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1062 đến mốc giới số 1063 là 148° 23' 24", khoảng cách là 526,05m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1063 đến mốc giới số 1064 là 122° 56' 05", khoảng cách là 947,98m.</td><td colspan="3"> 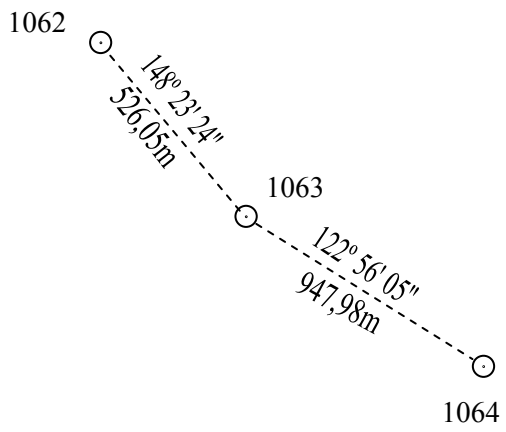
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1064

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1064 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2446262,08
18 676021,35</td><td rowspan="3">22° 06' 13,084"
106° 42' 20,401"</td><td>255,70
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>254,20</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1063 đến mốc giới số 1064 là 122° 56' 05", khoảng cách là 947,98m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1064 đến mốc giới số 1065 là 112° 37' 38", khoảng cách là 113,12m.</td><td colspan="3"> 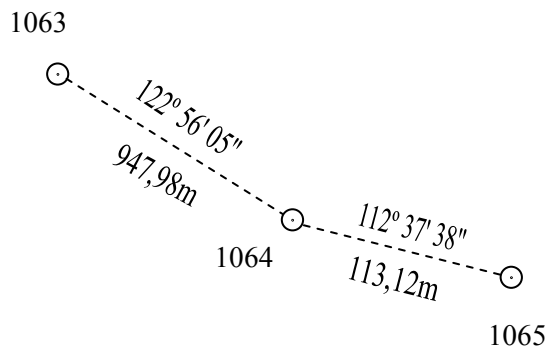
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1065

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 11 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1065 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2446218,56
18 676125,76</td><td rowspan="3">22° 06' 11,631"
106° 42' 24,025"</td><td>239,51
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>237,91</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1064 đến mốc giới số 1065 là 112° 37' 38", khoảng cách là 113,12m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1065 đến mốc giới số 1066 là 112° 42' 18", khoảng cách là 181,82m.</td><td colspan="3"> 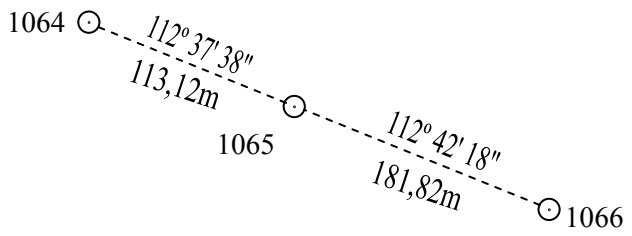
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1066

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 9 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1066 đặt tại chân núi.	2446148,38 18 676293,49	22° 06' 09,289" 106° 42' 29,847"	245,29 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			243,79
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1065 đến mốc giới số 1066 là 112° 42' 18", khoảng cách là 181,82m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1066 đến mốc giới số 1067 là 124° 33' 46", khoảng cách là 196,30m.	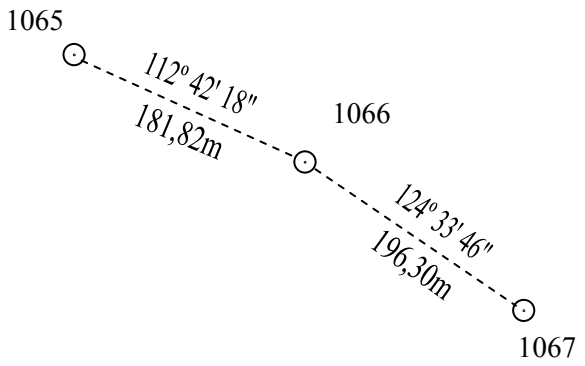		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1067

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 7 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1067 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2446037,02
18 676455,14</td><td rowspan="3">22° 06' 05,611"
106° 42' 35,440"</td><td>358,75
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>357,15</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1066 đến mốc giới số 1067 là 124° 33' 46", khoảng cách là 196,30m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1067 đến mốc giới số 1068 là 150° 36' 14", khoảng cách là 715,56m.</td><td colspan="3"> 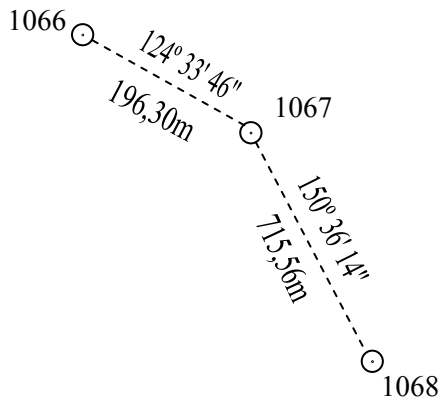
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1068

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 7 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1068 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2445413,59
18 676806,37</td><td rowspan="3">22° 05' 45,224"
106° 42' 47,444"</td><td>429,84
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>428,34</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1067 đến mốc giới số 1068 là 150° 36' 14", khoảng cách là 715,56m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1068 đến mốc giới số 1069 là 220° 57' 42", khoảng cách là 356,16m.</td><td colspan="3"> 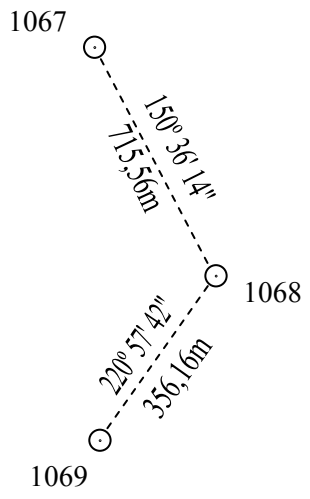
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1069

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 7 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1069 đặt trên đỉnh núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2445144,64
18 676572,89</td><td rowspan="3">22° 05' 36,569"
106° 42' 39,196"</td><td>454,05
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>452,45</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1068 đến mốc giới số 1069 là 220° 57' 42", khoảng cách là 356,16 m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1069 đến mốc giới số 1070 là 212° 07' 57", khoảng cách là 1113,52m.</td><td colspan="3"> 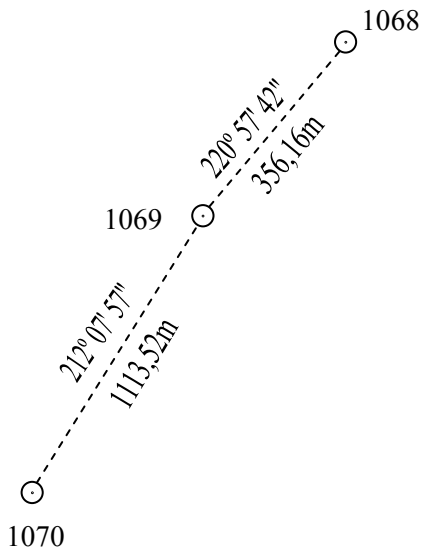
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1070

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 7 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1070 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2444201,69
18 675980,63</td><td rowspan="3">22° 05' 06,142"
106° 42' 18,177"</td><td>412,95
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>411,45</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1069 đến mốc giới số 1070 là 212° 07' 57", khoảng cách là 1113,52m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1070 đến mốc giới số 1071 là 175° 17' 39", khoảng cách là 574,61m.</td><td colspan="3"> 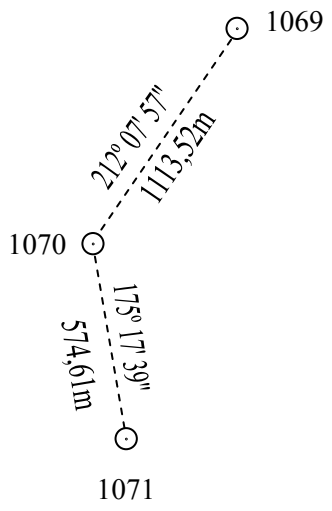
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1071

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1071 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2443629,02
18 676027,77</td><td rowspan="3">22° 04' 47,515"
106° 42' 19,596"</td><td>456,29
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>454,69</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1070 đến mốc giới số 1071 là 175° 17' 39", khoảng cách là 574,61m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1071 đến mốc giới số 1072 là 175° 17' 16", khoảng cách là 780,87m.</td><td colspan="3"> 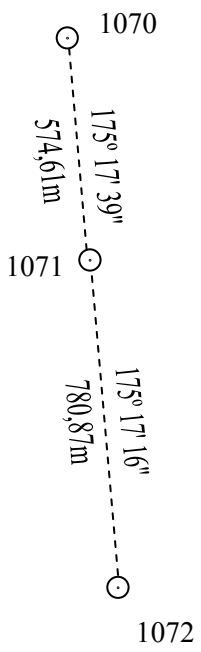
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1072

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 7 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1072 đặt trên sống núi.	2442850,79 18 676091,92	22° 04' 22,203" 106° 42' 21,530"	547,75 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			546,25
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1071 đến mốc giới số 1072 là 175° 17' 16", khoảng cách là 780,87m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1072 đến mốc giới số 1073 là 175° 20' 00", khoảng cách là 185,73m.	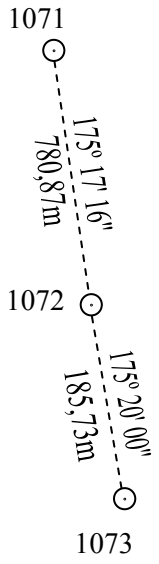		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1073

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 6 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1073 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2442665,68
18 676107,03</td><td rowspan="3">22° 04' 16,181"
106° 42' 21,984"</td><td>495,72
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>494,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1072 đến mốc giới số 1073 là 175° 20' 00", khoảng cách là 185,73m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1073 đến mốc giới số 1074 là 175° 14' 38", khoảng cách là 631,75m.</td><td colspan="3"> 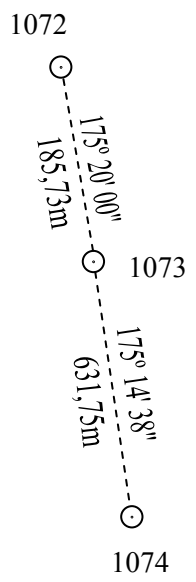
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1074

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1074 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2442036,11
18 676159,41</td><td rowspan="3">22° 03' 55,703"
106° 42' 23,565"</td><td>611,32
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>609,82</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1073 đến mốc giới số 1074 là 175° 14' 38", khoảng cách là 631,75m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1074 đến mốc giới số 1075 là 253° 45' 28", khoảng cách là 304,08m.</td><td colspan="3"> 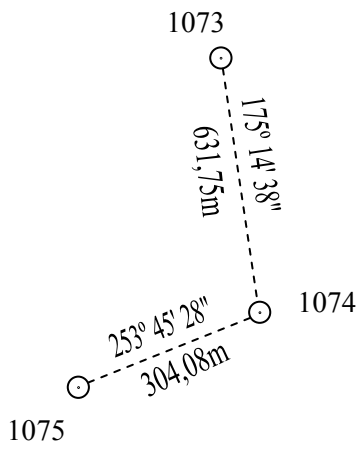
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1075

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1075 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2441951,06
18 675867,47</td><td rowspan="3">22° 03' 53,045"
106° 42' 13,353"</td><td>604,32
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>602,72</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1074 đến mốc giới số 1075 là 253° 45' 28", khoảng cách là 304,08m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1075 đến mốc giới số 1076 là 202° 27' 31", khoảng cách là 752,80m.</td><td colspan="3"> 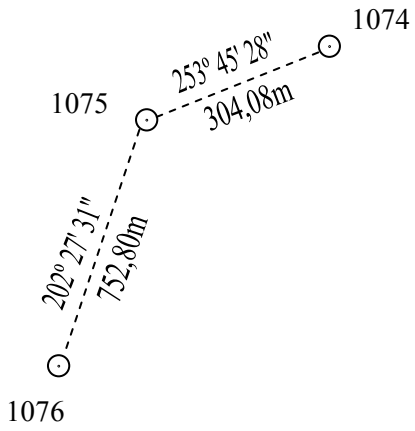
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1076

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1076 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2441255,36
18 675579,89</td><td rowspan="3">22° 03' 30,542"
106° 42' 03,058"</td><td>595,66
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>594,16</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1075 đến mốc giới số 1076 là 202° 27' 31", khoảng cách là 752,80m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1076 đến mốc giới số 1077 là 209° 37' 11", khoảng cách là 383,09m.</td><td colspan="3"> 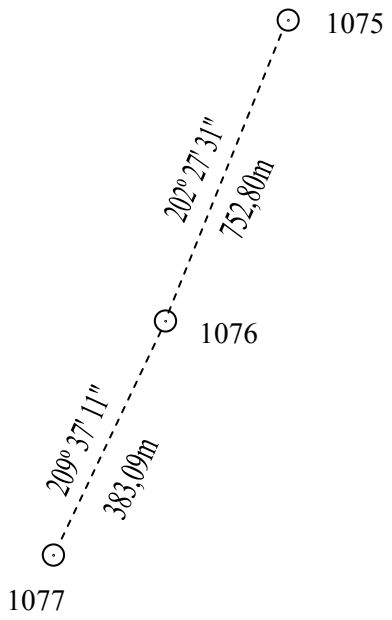
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1077

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1077 đặt trên sống núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2440922,33
18 675390,55</td><td rowspan="3">22° 03' 19,788"
106° 41' 56,327"</td><td>441,65
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>440,05</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1076 đến mốc giới số 1077 là 209° 37' 11", khoảng cách là 383,09m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1077 đến mốc giới số 1078 là 244° 02' 38", khoảng cách là 190,18m.</td><td colspan="3"> 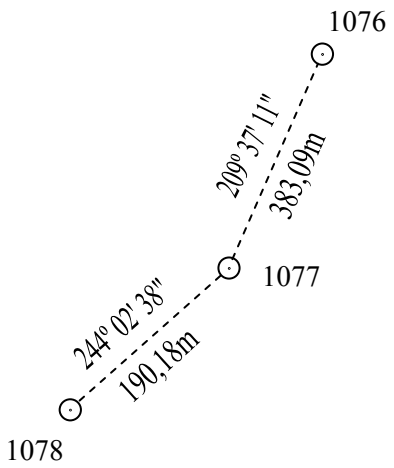
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1078

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1078 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2440839,09
18 675219,55</td><td rowspan="3">22° 03' 17,145"
106° 41' 50,334"</td><td>521,49
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>519,99</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1077 đến mốc giới số 1078 là 244° 02' 38", khoảng cách là 190,18m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1078 đến mốc giới số 1079 là 153° 18' 19", khoảng cách là 543,39m.</td><td colspan="3"> 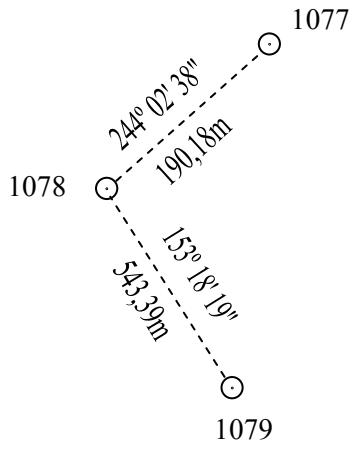
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1079

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1079 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2440353,62
18 675463,66</td><td rowspan="3">22° 03' 01,280"
106° 41' 58,655"</td><td>565,98
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>564,38</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1078 đến mốc giới số 1079 là 153° 18' 19", khoảng cách là 543,39m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1079 đến mốc giới số 1079/1 là 198° 02' 37", khoảng cách là 172,27m.</td><td colspan="3"> 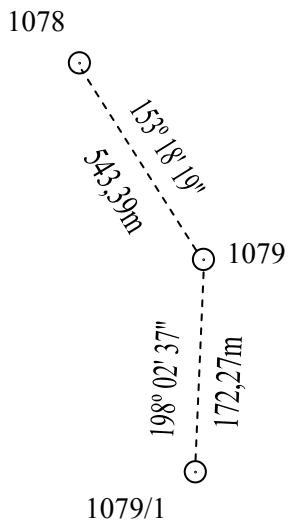
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1079/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1079/1 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2440189,82
18 675410,30</td><td rowspan="3">22º 02' 55,976"
106º 41' 56,731"</td><td>530,81
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>529,61</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1079 đến mốc giới số 1079/1 là 198º 02' 37", khoảng cách là 172,27m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1079/1 đến mốc giới số 1079/2 là 214º 45' 49", khoảng cách là 290,90m.</td><td colspan="3"> 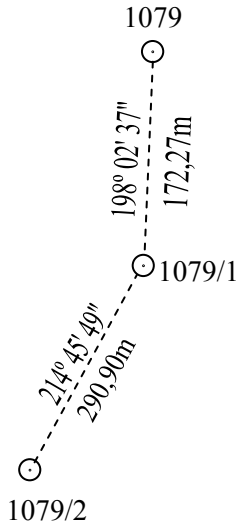
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1079/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 11 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1079/2 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2439950,84
18 675244,43</td><td rowspan="3">22° 02' 48,271"
106° 41' 50,857"</td><td>658,86
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>657,66</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1079/1 đến mốc giới số 1079/2 là 214° 45' 49", khoảng cách là 290,90m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1079/2 đến mốc giới số 1080 là 192° 46' 16", khoảng cách là 193,66m.</td><td colspan="3"> 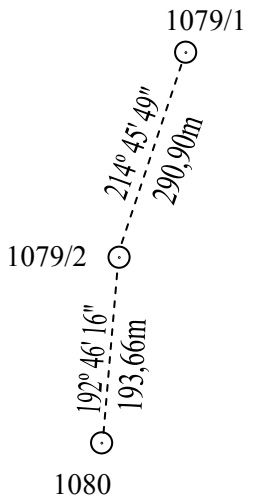
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1080

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 9 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1080 đặt trên đỉnh đồi Khàu Ngầu (Pu Kou Yin Shan).</td><td rowspan="3">2439761,97
18 675201,62</td><td rowspan="3">22° 02' 42,148"
106° 41' 49,291"</td><td>717,78
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>716,28</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1079/2 đến mốc giới số 1080 là 192° 46' 16", khoảng cách là 193,66m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1080 đến mốc giới số 1081 là 154° 34' 56", khoảng cách là 299,27m.</td><td colspan="3"> 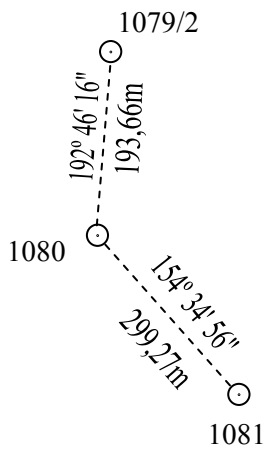
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1081

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1081 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2439491,67
18 675330,07</td><td rowspan="3">22° 02' 33,318"
106° 41' 53,664"</td><td>625,12
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>623,52</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1080 đến mốc giới số 1081 là 154° 34' 56", khoảng cách là 299,27m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1081 đến mốc giới số 1082 là 118° 52' 57", khoảng cách là 916,20m.</td><td colspan="3"> 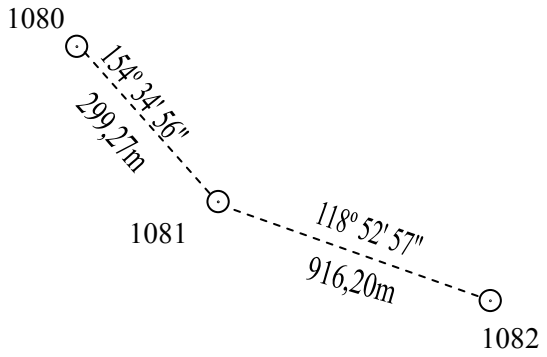
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1082

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 11 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1082 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2439049,13
18 676132,31</td><td rowspan="3">22° 02' 18,646"
106° 42' 21,456"</td><td>852,52
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>851,02</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1081 đến mốc giới số 1082 là 118° 52' 57", khoảng cách là 916,20m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1082 đến mốc giới số 1083 là 168° 51' 50", khoảng cách là 1309,62m.</td><td colspan="3"> 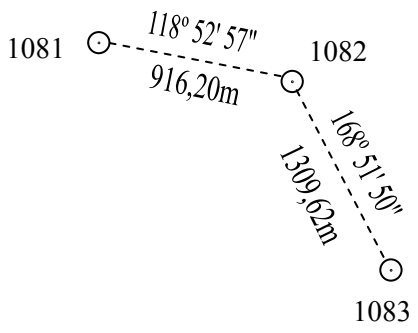
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1083

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 8 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1083 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2437764,17
18 676385,25</td><td rowspan="3">22° 01' 36,797"
106° 42' 29,771"</td><td>705,01
(2,95)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>702,06</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1082 đến mốc giới số 1083 là 168° 51' 50", khoảng cách là 1309,62m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1083 đến mốc giới số 1084 là 190° 27' 41", khoảng cách là 219,03m.</td><td colspan="3"> 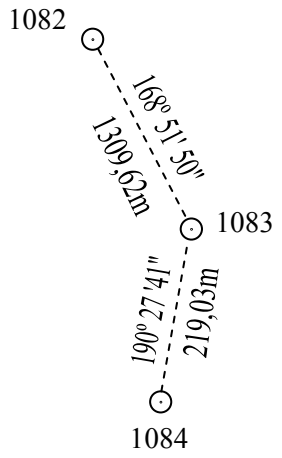
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1084

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 5 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1084 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2437548,78
18 676345,48</td><td rowspan="3">22° 01' 29,812"
106° 42' 28,301"</td><td>732,85
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>731,35</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1083 đến mốc giới số 1084 là 190° 27' 41", khoảng cách là 219,03m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084 đến mốc giới số 1084/1 là 232° 09' 04", khoảng cách là 187,62m.</td><td colspan="3"> 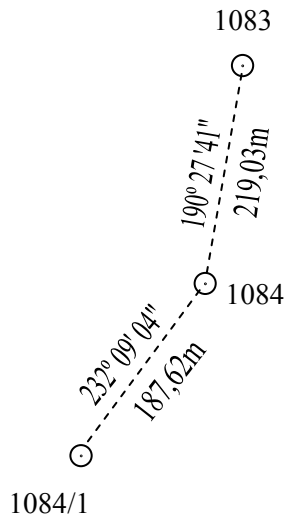
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1084/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1084/1 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2437433,66
18 676197,33</td><td rowspan="3">22° 01' 26,125"
106° 42' 23,092"</td><td>735,48
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>734,28</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084 đến mốc giới số 1084/1 là 232° 09' 04", khoảng cách là 187,62m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/1 đến mốc giới số 1084/2 là 279° 06' 45", khoảng cách là 183,05m.</td><td colspan="3"> 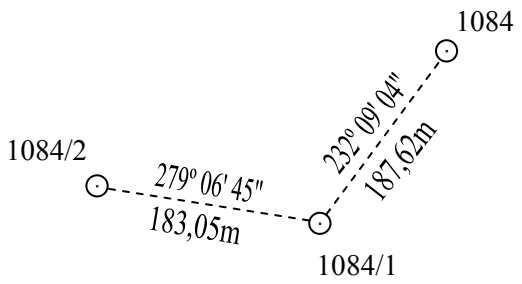
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1084/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 5 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1084/2 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2437462,65
18 676016,59</td><td rowspan="3">22° 01' 27,133"
106° 42' 16,805"</td><td>675,42
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>674,22</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/1 đến mốc giới số 1084/2 là 279° 06' 45", khoảng cách là 183,05m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/2 đến mốc giới số 1084/3 là 229° 48' 33", khoảng cách là 216,85m.</td><td colspan="3"> 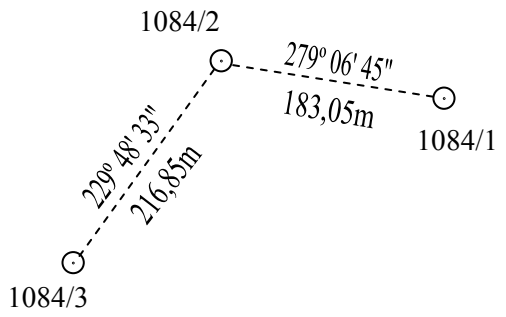
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1084/3

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 7 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1084/3 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2437322,71
18 675850,94</td><td rowspan="3">22° 01' 22,645"
106° 42' 10,976"</td><td>628,98
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>627,78</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/2 đến mốc giới số 1084/3 là 229° 48' 33", khoảng cách là 216,85m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/3 đến mốc giới số 1084/4 là 173° 19' 38", khoảng cách là 32,53m.</td><td colspan="3"> 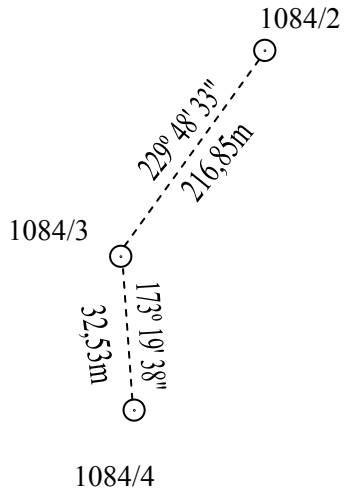
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1084/4

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 5 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1084/4 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2437290,40
18 675854,72</td><td rowspan="3">22° 01' 21,594"
106° 42' 11,096"</td><td>630,18
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>628,98</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/3 đến mốc giới số 1084/4 là 173° 19' 38", khoảng cách là 32,53m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/4 đến mốc giới số 1085 là 226° 02' 05", khoảng cách là 102,19m.</td><td colspan="3"> 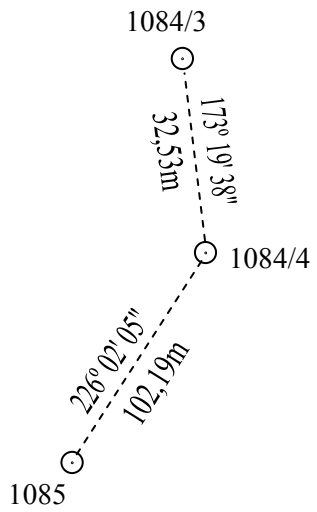
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1085

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 7 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1085 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2437219,46
18 675781,17</td><td rowspan="3">22º 01' 19,315"
106º 42' 08,505"</td><td>596,79
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>595,19</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1084/4 đến mốc giới số 1085 là 226º 02' 05", khoảng cách là 102,19m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1085 đến mốc giới số 1086 là 150º 22' 37", khoảng cách là 212,51m.</td><td colspan="3"> 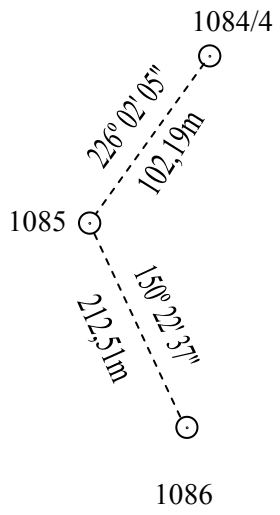
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1086

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 5 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1086 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2437034,73
18 675886,21</td><td rowspan="3">22° 01' 13,274"
106° 42' 12,094"</td><td>658,12
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>656,62</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1085 đến mốc giới số 1086 là 150° 22' 37", khoảng cách là 212,51m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1086 đến mốc giới số 1087 là 215° 21' 31", khoảng cách là 754,89m.</td><td colspan="3"> 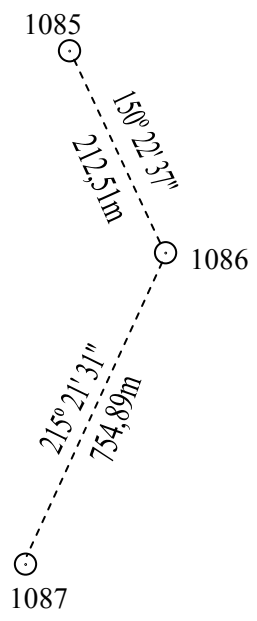
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1087

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1087 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2436419,08
18 675449,36</td><td rowspan="3">22° 00' 53,425"
106° 41' 56,630"</td><td>669,33
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>667,73</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1086 đến mốc giới số 1087 là 215° 21' 31", khoảng cách là 754,89m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1087 đến mốc giới số 1088 là 263° 43' 21", khoảng cách là 323,11m.</td><td colspan="3"> 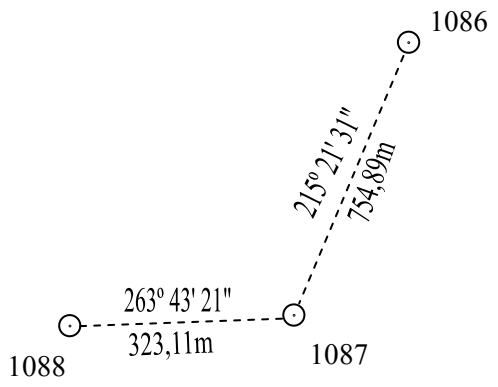
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1088

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 10 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1088 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2436383,75
18 675128,19</td><td rowspan="3">22° 00' 52,393"
106° 41' 45,424"</td><td>603,25
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>601,75</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1087 đến mốc giới số 1088 là 263° 43' 21", khoảng cách là 323,11m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1088 đến mốc giới số 1088/1 là 221° 36' 29", khoảng cách là 376,70m.</td><td colspan="3"> 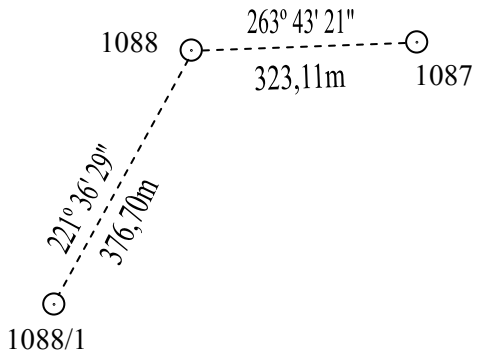
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1088/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1088/1 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2436102,09
18 674878,05</td><td rowspan="3">22° 00' 43,330"
106° 41' 36,597"</td><td>580,31
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>579,11</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1088 đến mốc giới số 1088/1 là 221° 36' 29", khoảng cách là 376,70m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1088/1 đến mốc giới số 1088/2 là 227° 09' 20", khoảng cách là 455,51m.</td><td colspan="3"> 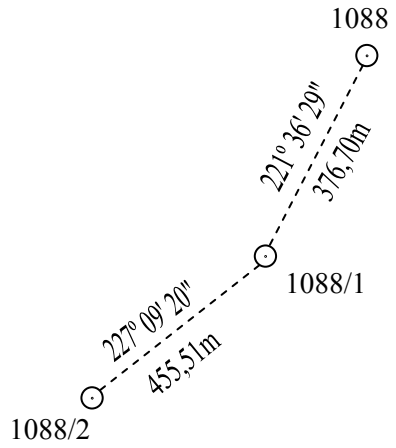
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1088/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 5 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1088/2 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2435792,34
18 674544,07</td><td rowspan="3">22° 00' 33,384"
106° 41' 24,839"</td><td>386,62
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>385,42</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1088/1 đến mốc giới số 1088/2 là 227° 09' 20", khoảng cách là 455,51m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1088/2 đến mốc giới số 1089 là 208° 07' 39", khoảng cách là 242,24m.</td><td colspan="3"> 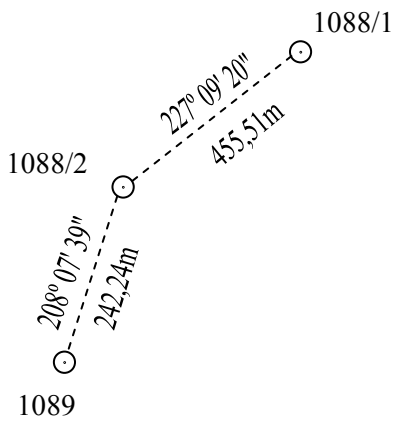
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1089

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 12 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1089 đặt trên sống núi.	2435578,71 18 674429,87	22° 00' 26,482" 106° 41' 20,776"	375,82 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			374,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1088/2 đến mốc giới số 1089 là 208° 07' 39", khoảng cách là 242,24m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1089 đến mốc giới số 1090 là 231° 10' 51", khoảng cách là 795,26m.	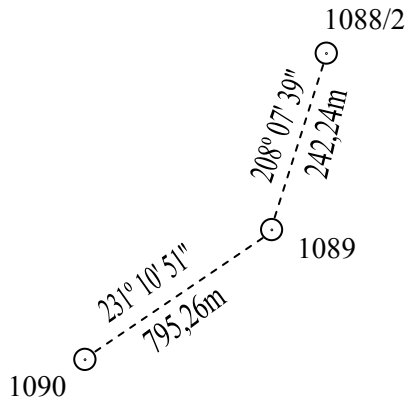		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1090

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại lớn có gắn quốc huy</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1090 đặt ở phía Bắc đường cái từ Tân Thanh (Việt Nam) đi Pu Zhai (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2435080,19
18 673810,26</td><td rowspan="3">22° 00' 10,504"
106° 40' 58,992"</td><td>284,76
(3,00)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>281,76</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1089 đến mốc giới số 1090 là 231° 10' 51", khoảng cách là 795,26m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1090 đến mốc giới số 1091 là 192° 45' 09", khoảng cách là 48,61m.</td><td colspan="3"> 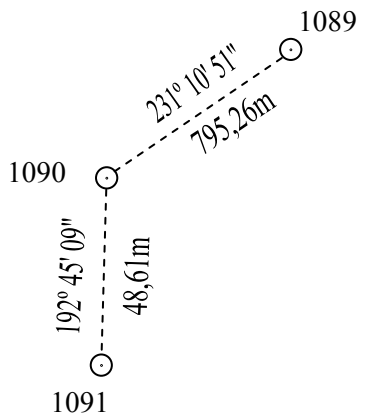
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1091

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại lớn có gắn quốc huy</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1091 đặt ở phía Nam đường cái từ Tân Thanh (Việt Nam) đi Pu Zhai (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2435032,78
18 673799,53</td><td rowspan="3">22° 00' 08,967"
106° 40' 58,600"</td><td>284,76
(3,00)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>281,76</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1090 đến mốc giới số 1091 là 192° 45' 09", khoảng cách là 48,61m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1091 đến mốc giới số 1092 là 170° 08' 54", khoảng cách là 528,01m.</td><td colspan="3"> 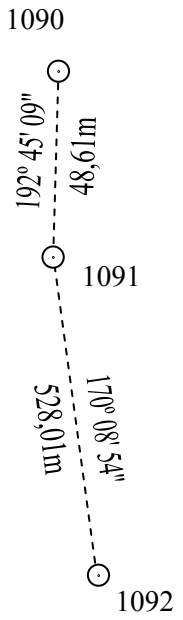
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1092

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1092 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2434512,56
18 673889,87</td><td rowspan="3">21° 59' 52,030"
106° 41' 01,549"</td><td>579,31
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>577,81</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1091 đến mốc giới số 1092 là 170° 08' 54", khoảng cách là 528,01m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1092 đến mốc giới số 1093 là 177° 44' 41", khoảng cách là 303,43m.</td><td colspan="3"> 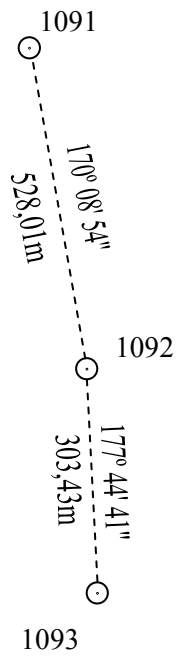
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1093

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1093 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2434209,37
18 673901,81</td><td rowspan="3">21° 59' 42,172"
106° 41' 01,848"</td><td>568,57
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>566,97</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1092 đến mốc giới số 1093 là 177° 44' 41", khoảng cách là 303,43m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1093 đến mốc giới số 1094 là 193° 32' 49", khoảng cách là 264,73m.</td><td colspan="3"> 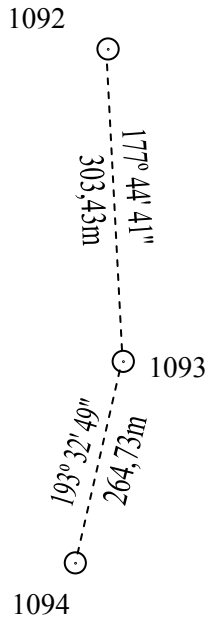
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1094

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 3 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1094 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2433952,01
18 673839,80</td><td rowspan="3">21° 59' 33,831"
106° 40' 59,589"</td><td>509,09
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>507,59</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1093 đến mốc giới số 1094 là 193° 32' 49", khoảng cách là 264,73m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1094 đến mốc giới số 1095 là 144° 39' 50", khoảng cách là 102,44m.</td><td colspan="3"> 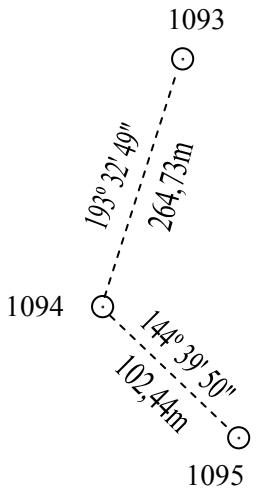
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1095

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1095 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2433868,44
18 673899,05</td><td rowspan="3">21° 59' 31,093"
106° 41' 01,621"</td><td>538,31
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>536,71</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1094 đến mốc giới số 1095 là 144° 39' 50", khoảng cách là 102,44m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1095 đến mốc giới số 1096 là 185° 24' 11", khoảng cách là 223,34m.</td><td colspan="3"> 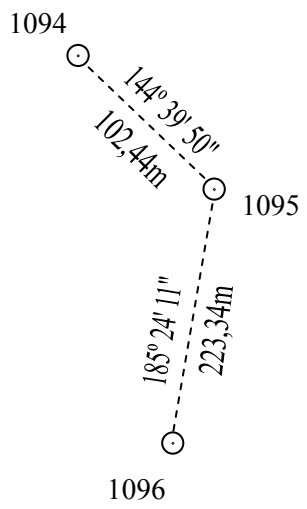
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1096

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1096 đặt tại thung lũng.</td><td rowspan="3">2433646,09
18 673878,02</td><td rowspan="3">21° 59' 23,876"
106° 41' 00,800"</td><td>501,97
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>500,47</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1095 đến mốc giới số 1096 là 185° 24' 11", khoảng cách là 223,34m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1096 đến mốc giới số 1097 là 188° 17' 50", khoảng cách là 252,80m.</td><td colspan="3"> 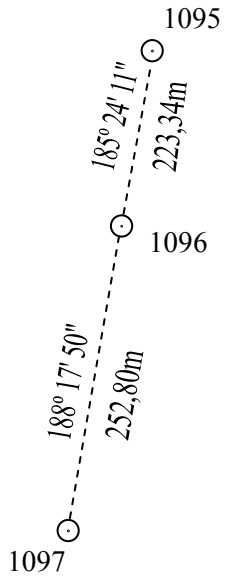
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1097

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1097 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2433395,94
18 673841,54</td><td rowspan="3">21° 59' 15,759"
106° 40' 59,436"</td><td>521,59
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>519,99</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1096 đến mốc giới số 1097 là 188° 17' 50", khoảng cách là 252,80m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1097 đến mốc giới số 1097/1 là 181° 03' 42", khoảng cách là 94,46m.</td><td colspan="3"> 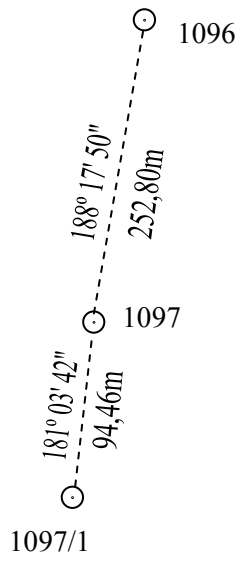
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1097/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1097/1 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2433301,50
18 673839,79</td><td rowspan="3">21° 59' 12,691"
106° 40' 59,339"</td><td>526,45
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>525,25</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1097 đến mốc giới số 1097/1 là 181° 03' 42", khoảng cách là 94,46m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1097/1 đến mốc giới số 1097/2 là 175° 05' 32", khoảng cách là 165,40m.</td><td colspan="3"> 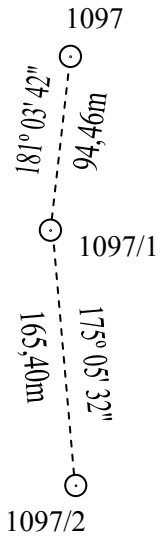
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1097/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 4 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1097/2 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2433136,71
18 673853,94</td><td rowspan="3">21° 59' 07,331"
106° 40' 59,769"</td><td>525,79
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>524,59</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1097/1 đến mốc giới số 1097/2 là 175° 05' 32", khoảng cách là 165,40m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1097/2 đến mốc giới số 1098 là 154° 33' 52", khoảng cách là 227,57m.</td><td colspan="3"> 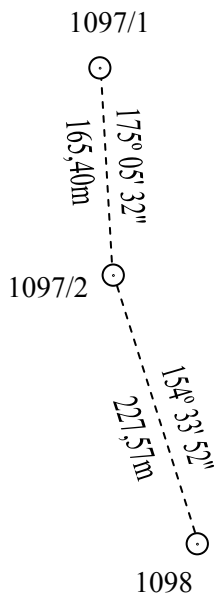
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1098

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 01 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1098 đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2432931,20
18 673951,68</td><td rowspan="3">21° 59' 00,617"
106° 41' 03,096"</td><td>473,57
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>472,07</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1097/2 đến mốc giới số 1098 là 154° 33' 52", khoảng cách là 227,57m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1098 đến mốc giới số 1099 là 148° 49' 55", khoảng cách là 535,02m.</td><td colspan="3"> 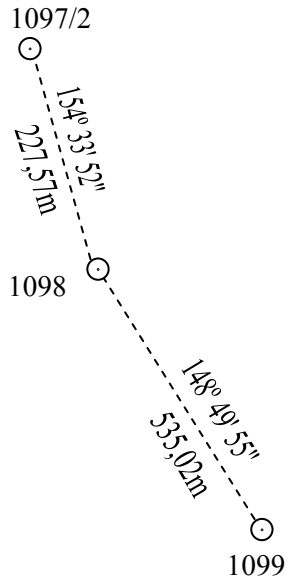
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1099

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 11 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1099 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2432473,41
18 674228,58</td><td rowspan="3">21° 58' 45,641"
106° 41' 12,568"</td><td>353,72
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>352,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1098 đến mốc giới số 1099 là 148° 49' 55", khoảng cách là 535,02m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1099 đến mốc giới số 1100 là 130° 50' 22", khoảng cách là 620,85m.</td><td colspan="3"> 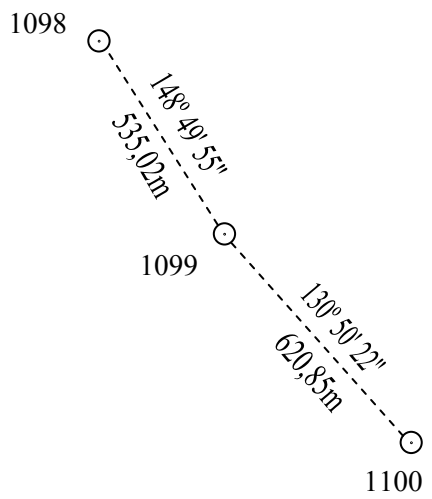
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1100

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 01 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1100 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2432067,41
18 674698,28</td><td rowspan="3">21° 58' 32,279"
106° 41' 28,777"</td><td>428,57
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>427,07</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1099 đến mốc giới số 1100 là 130° 50' 22", khoảng cách là 620,85m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1100 đến mốc giới số 1101 là 127° 51' 16", khoảng cách là 452,21m.</td><td colspan="3"> 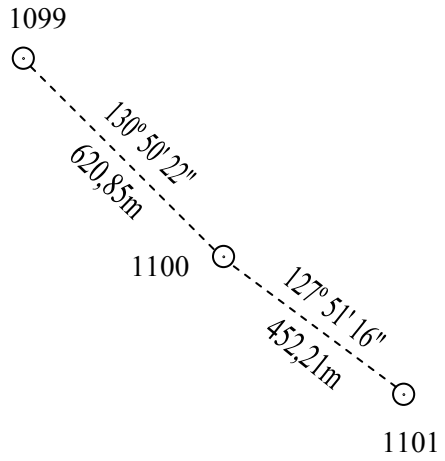
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1101

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 01 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1101 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2431789,91
18 675055,33</td><td rowspan="3">21° 58' 23,132"
106° 41' 41,110"</td><td>485,01
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>483,41</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1100 đến mốc giới số 1101 là 127° 51' 16", khoảng cách là 452,21m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1101 đến mốc giới số 1102 là 171° 42' 52", khoảng cách là 144,48m.</td><td colspan="3"> 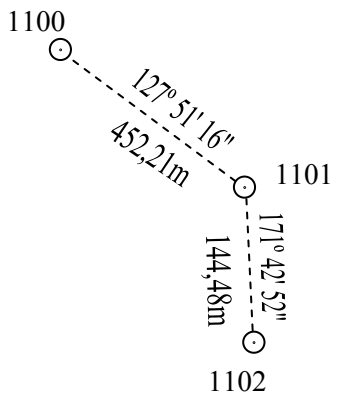
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1102

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 12 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1102 đặt trên đỉnh núi.	2431646,94 18 675076,15	21° 58' 18,479" 106° 41' 41,781"	484,73 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			483,23
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1101 đến mốc giới số 1102 là 171° 42' 52", khoảng cách là 144,48m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1102 đến mốc giới số 1102/1 là 234° 34' 51", khoảng cách là 132,00m.	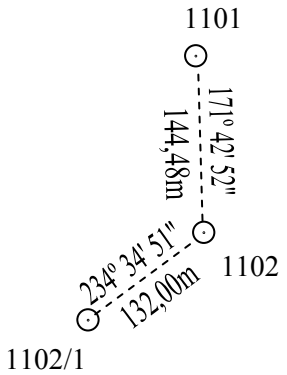		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1102/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1102/1 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431570,44
18 674968,58</td><td rowspan="3">21° 58' 16,031"
106° 41' 38,003"</td><td>407,25
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>406,05</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1102 đến mốc giới số 1102/1 là 234° 34' 51", khoảng cách là 132,00m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1102/1 đến mốc giới số 1102/2 là 159° 23' 47", khoảng cách là 85,90m.</td><td colspan="3"> 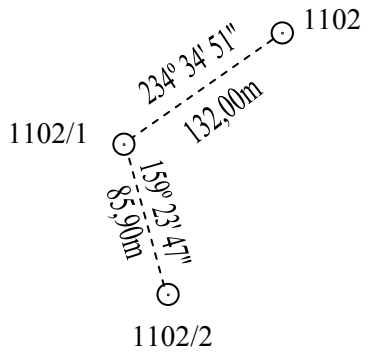
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1102/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1102/2 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2431490,03
18 674998,81</td><td rowspan="3">21° 58' 13,408"
106° 41' 39,026"</td><td>400,34
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>399,14</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1102/1 đến mốc giới số 1102/2 là 159° 23' 47", khoảng cách là 85,90m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1102/2 đến mốc giới số 1103 là 214° 21' 22", khoảng cách là 487,65m.</td><td colspan="3"> 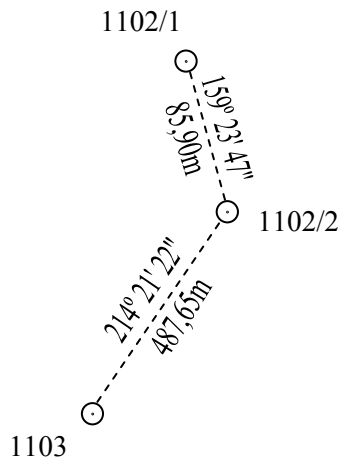
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1103

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 11 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1103 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2431087,45
18 674723,61</td><td rowspan="3">21° 58' 00,423"
106° 41' 29,282"</td><td>335,33
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>333,73</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1102/2 đến mốc giới số 1103 là 214° 21' 22", khoảng cách là 487,65m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1103 đến mốc giới số 1103/1 là 173° 14' 21", khoảng cách là 311,75m.</td><td colspan="3"> 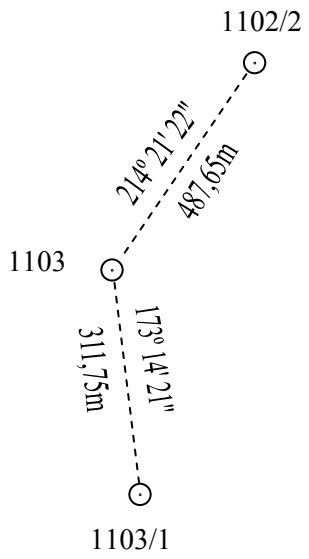
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1103/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 11 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1103/1 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2430777,87
18 674760,31</td><td rowspan="3">21° 57' 50,349"
106° 41' 30,442"</td><td>372,55
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>371,35</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1103 đến mốc giới số 1103/1 là 173° 14' 21", khoảng cách là 311,75m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1103/1 đến mốc giới số 1103/2 là 88° 02' 37", khoảng cách là 60,93m.</td><td colspan="3"> 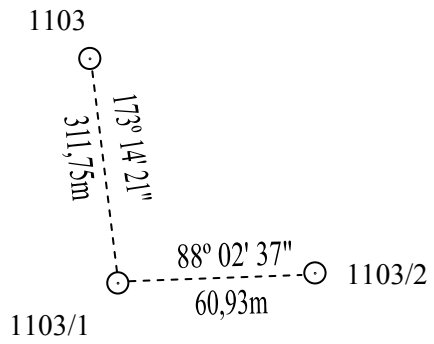
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1103/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 3 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1103/2 đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2430779,95
18 674821,20</td><td rowspan="3">21º 57 50,396"
106º 41' 32,564"</td><td>348,35
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>347,15</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1103/1 đến mốc giới số 1103/2 là 88º 02' 37", khoảng cách là 60,93m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1103/2 đến mốc giới số 1104 là 60º 21' 39", khoảng cách là 130,34m.</td><td colspan="3"> 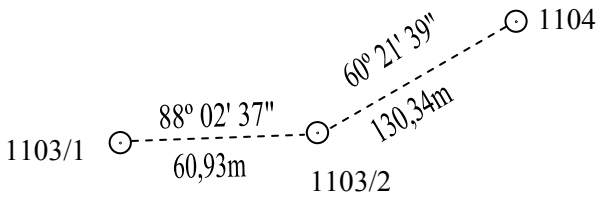
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1104

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 9 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1104 đặt ở phía Tây đường cái từ Cốc Nam (Việt Nam) đến Long Huai (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2430844,41
18 674934,49</td><td rowspan="3">21º 57' 52,450"
106º 41' 36,536"</td><td>314,87
(3,57)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>311,30</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1103/2 đến mốc giới số 1104 là 60º 21' 39", khoảng cách là 130,34m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1104 đến mốc giới số 1105 là 86º 43' 33", khoảng cách là 18,21m.</td><td colspan="3"> 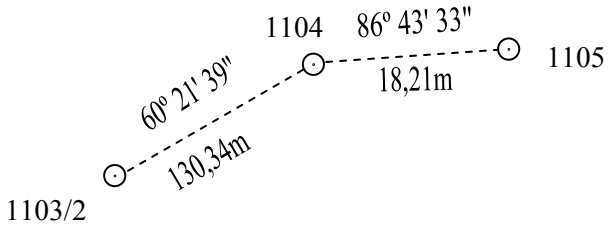
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1105

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 9 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1105 đặt ở phía Đông đường cái từ Cốc Nam (Việt Nam) đến Long Huai (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2430845,45
18 674952,67</td><td rowspan="3">21º 57' 52,477"
106º 41' 37,169"</td><td>315,04
(2,80)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>312,24</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1104 đến mốc giới số 1105 là 86º 43' 33", khoảng cách là 18,21m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1105 đến mốc giới số 1106 là 86º 57' 20", khoảng cách là 63,83m.</td><td colspan="3"> 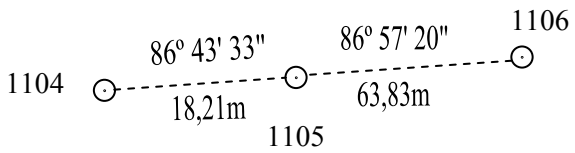
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1106

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 5 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1106 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2430848,84
18 675016,41</td><td rowspan="3">21° 57' 52,564"
106° 41' 39,392"</td><td>361,00
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>359,50</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1105 đến mốc giới số 1106 là 86° 57' 20", khoảng cách là 63,83m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1106 đến mốc giới số 1107 là 169° 52' 24", khoảng cách là 270,95m.</td><td colspan="3"> 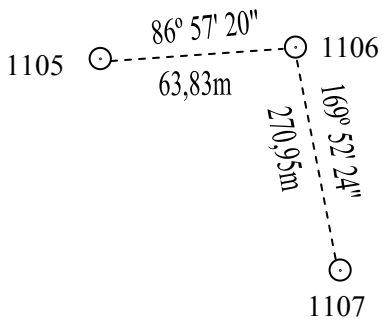
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1107

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 12 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1107 đặt trên sống núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2430582,11
18 675064,05</td><td rowspan="3">21° 57' 43,879"
106° 41' 40,948"</td><td>350,60
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>349,00</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1106 đến mốc giới số 1107 là 169° 52' 24", khoảng cách là 270,95m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1107 đến mốc giới số 1108 là 69° 01' 46", khoảng cách là 127,16m.</td><td colspan="3"> 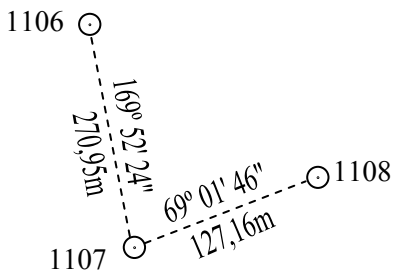
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1108

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 5 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1108 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2430627,62
18 675182,79</td><td rowspan="3">21° 57' 45,315"
106° 41' 45,103"</td><td>419,89
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>418,39</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1107 đến mốc giới số 1108 là 69° 01' 46", khoảng cách là 127,16m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1108 đến mốc giới số 1109 là 137° 13' 14", khoảng cách là 131,39m.</td><td colspan="3"> 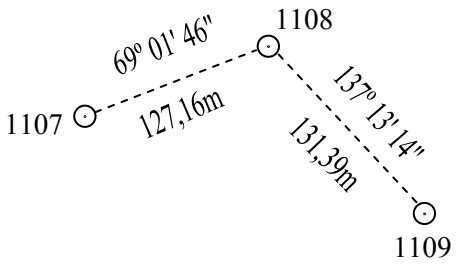
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1109

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 12 năm 2006</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1109 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2430531,18
18 675272,03</td><td rowspan="3">21° 57' 42,149"
106° 41' 48,174"</td><td>370,88
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>369,28</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1108 đến mốc giới số 1109 là 137° 13' 14", khoảng cách là 131,39m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1109 đến mốc giới số 1110 là 121° 43' 24", khoảng cách là 273,48m.</td><td colspan="3"> 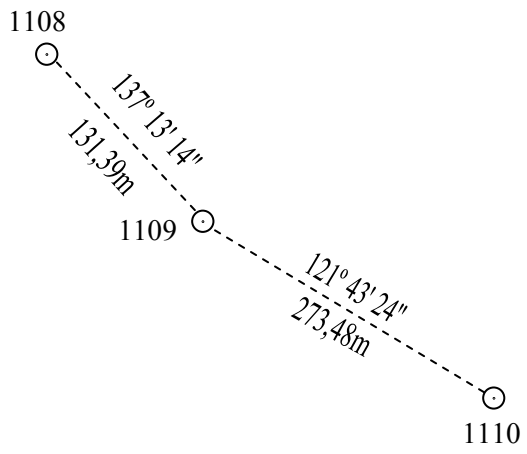
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1110

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 5 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1110 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2430387,38
18 675504,65</td><td rowspan="3">21° 57' 37,392"
106° 41' 56,223"</td><td>413,79
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>412,29</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1109 đến mốc giới số 1110 là 121° 43' 24", khoảng cách là 273,48m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1110 đến mốc giới số 1111 là 42° 24' 18", khoảng cách là 489,30 m.</td><td colspan="3"> 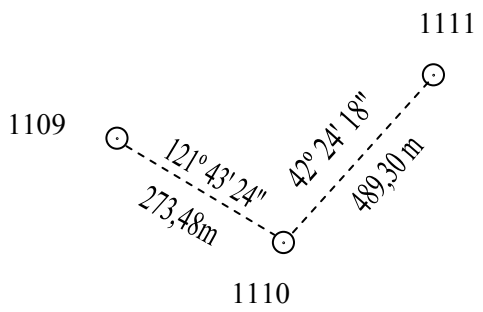
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1111

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1111 đặt trên yên ngựa.</td><td rowspan="3">2430748,68
18 675834,62</td><td rowspan="3">21° 57' 49,014"
106° 42' 07,858"</td><td>409,32
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>407,72</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1110 đến mốc giới số 1111 là 42° 24' 18 ", khoảng cách là 489,30m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1111 đến mốc giới số 1112 là 19° 06' 28", khoảng cách là 189,04m.</td><td colspan="3"> 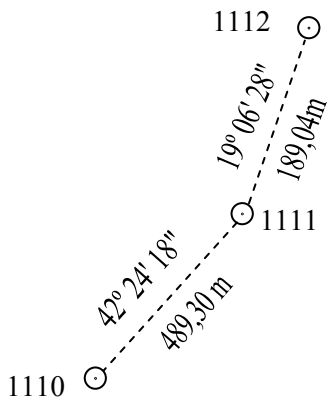
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1112

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1112 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2430927,30
18 675896,50</td><td rowspan="3">21° 57' 54,797"
106° 42' 10,083"</td><td>405,88
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>404,38</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1111 đến mốc giới số 1112 là 19° 06' 28", khoảng cách là 189,04m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1112 đến mốc giới số 1113 là 38° 16' 10 ", khoảng cách là 404,35m.</td><td colspan="3"> 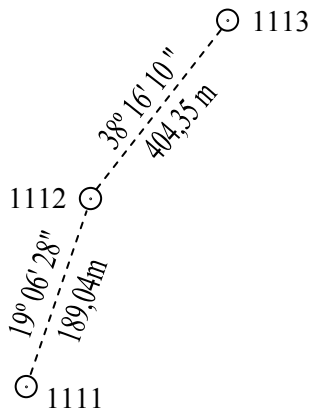
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1113

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1113 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2431244,76
18 676146,94</td><td rowspan="3">21° 58' 05,022"
106° 42' 18,931"</td><td>464,37
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>462,77</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1112 đến mốc giới số 1113 là 38° 16' 10 ", khoảng cách là 404,35m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1113 đến mốc giới số 1114 là 49° 27' 26", khoảng cách là 354,50m.</td><td colspan="3"> 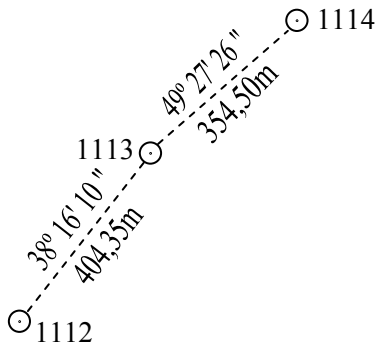
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1114

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 9 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1114 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431475,19
18 676416,33</td><td rowspan="3">21º 58' 12,413"
106º 42' 28,406"</td><td>391,64
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>390,14</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1113 đến mốc giới số 1114 là 49º 27' 26", khoảng cách là 354,50m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114 đến mốc giới số 1114/1 là 90º 12' 38", khoảng cách là 43,54m.</td><td colspan="3"> 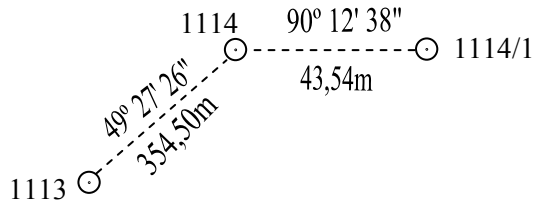
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1114/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1114/1 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431475,03
18 676459,87</td><td rowspan="3">21° 58' 12,392"
106° 42' 29,923"</td><td>361,67
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>360,47</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114 đến mốc giới số 1114/1 là 90° 12' 38 ", khoảng cách là 43,54m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/1 đến mốc giới số 1114/2 là 357° 23' 42 ", khoảng cách là 221,57m.</td><td colspan="3"> 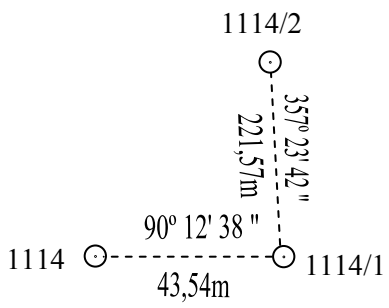
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1114/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1114/2 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431696,37
18 676449,80</td><td rowspan="3">21° 58' 19,589"
106° 42' 29,658"</td><td>348,99
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>347,79</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/1 đến mốc giới số 1114/2 là 357° 23' 42", khoảng cách là 221,57m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/2 đến mốc giới số 1114/3 là 351° 52' 41", khoảng cách là 127,83m.</td><td colspan="3"> 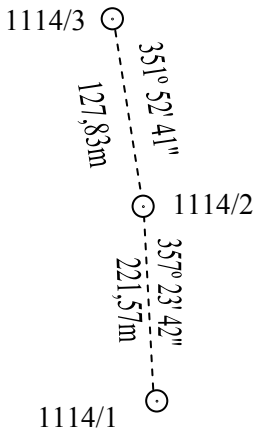
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1114/3

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1114/3 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431822,92
18 676431,74</td><td rowspan="3">21° 58' 23,707"
106° 42' 29,078"</td><td>377,99
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>376,79</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/2 đến mốc giới số 1114/3 là 351° 52' 41 ", khoảng cách là 127,83m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/3 đến mốc giới số 1114/4 là 303° 10' 44", khoảng cách là 53,16m.</td><td colspan="3"> 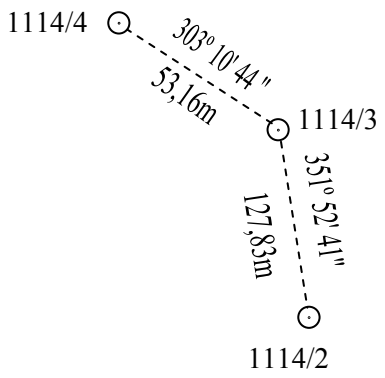
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1114/4

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1114/4 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431852,01
18 676387,25</td><td rowspan="3">21º58' 24,670"
106º 42' 27,540"</td><td>398,31
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>397,11</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/3 đến mốc giới số 1114/4 là 303º 10' 44 ", khoảng cách là 53,16m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/4 đến mốc giới số 1115 là 1º 58' 06", khoảng cách là 141,49m.</td><td colspan="3"> 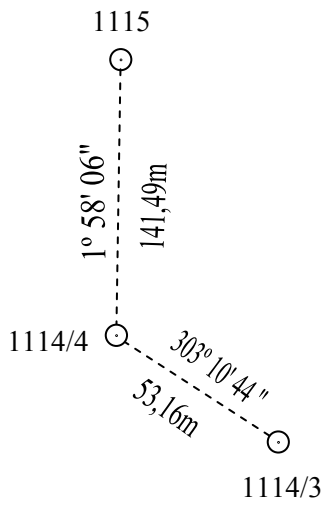
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1115

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1115 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2431993,42
18 676392,11</td><td rowspan="3">21° 58' 29,263"
106° 42' 27,763"</td><td>423,29
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>421,69</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1114/4 đến mốc giới số 1115 là 1° 58' 06 ", khoảng cách là 141,49m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1115 đến mốc giới số 1116 là 106° 54' 31 ", khoảng cách là 392,34m.</td><td colspan="3"> 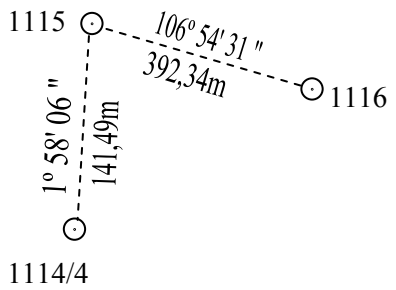
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1116

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại lớn có gắn quốc huy</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1116 đặt trên sườn núi phía Tây đường cái từ cửa khẩu Hữu Nghị (Việt Nam) đi Hữu Nghị Quan (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2431879,31
18 676767,49</td><td rowspan="3">21° 58' 25,419"
106° 42' 40,798"</td><td>314,60
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>312,30</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1115 đến mốc giới số 1116 là 106° 54' 31", khoảng cách là 392,34m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1116 đến mốc giới số 1117 là 95° 11' 00", khoảng cách là 85,01m.</td><td colspan="3"> 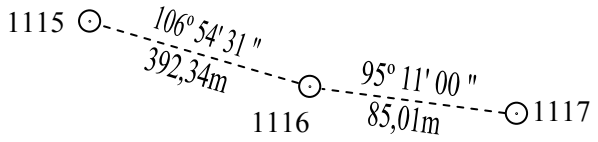
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1117

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại lớn có gắn quốc huy</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1117 đặt trên sườn núi phía Đông đường cái từ cửa khẩu Hữu Nghị (Việt Nam) đi Hữu Nghị Quan (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2431871,63
18 676852,15</td><td rowspan="3">21º 58' 25,138"
106º 42' 43,744"</td><td>314,80
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>312,50</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1116 đến mốc giới số 1117 là 95º 11' 00", khoảng cách là 85,01m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1117 đến mốc giới số 1118 là 62º 47' 33", khoảng cách là 33,51m.</td><td colspan="3"> 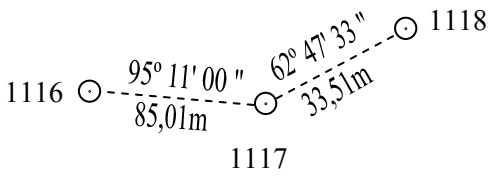
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1118

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 12 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1118 đặt trên sườn núi.	2431886,95 18 676881,95	21° 58' 25,625" 106° 42' 44,789"	322,13 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			320,63
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1117 đến mốc giới số 1118 là 62° 47' 33", khoảng cách là 33,51m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1118 đến mốc giới số 1119 là 173° 52' 05", khoảng cách là 161,96m.	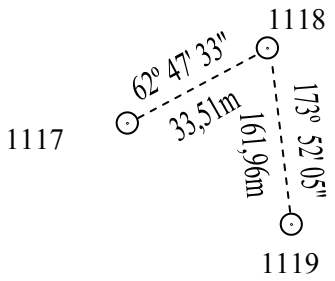		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1119

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1119 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2431725,92
18 676899,25</td><td rowspan="3">21° 58' 20,386"
106° 42' 45,328"</td><td>352,56
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>350,96</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1118 đến mốc giới số 1119 là 173° 52' 05", khoảng cách là 161,96m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1119 đến mốc giới số 1120 là 91° 15' 12", khoảng cách là 188,36m.</td><td colspan="3"> 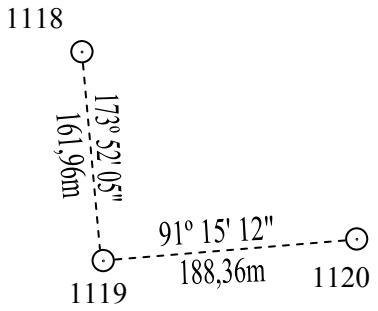
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1120

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1120 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2431721,80
18 677087,56</td><td rowspan="3">21° 58' 20,184"
106° 42' 51,888"</td><td>322,41
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>320,91</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1119 đến mốc giới số 1120 là 91° 15' 12", khoảng cách là 188,36m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1120 đến mốc giới số 1121 là 96° 02' 19", khoảng cách là 61,88m.</td><td colspan="3"> 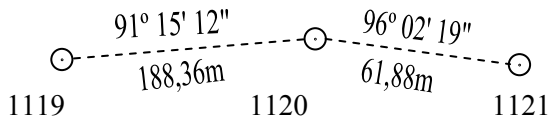
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1121

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại lớn có gắn quốc huy</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1121 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2431715,29
18 677149,10</td><td rowspan="3">21° 58' 19,949"
106° 42' 54,029"</td><td>296,96
(2,00)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>294,96</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1120 đến mốc giới số 1121 là 96° 02' 19", khoảng cách là 61,88m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1121 đến mốc giới số 1122 là 88° 06' 13", khoảng cách là 72,22m.</td><td colspan="3"> 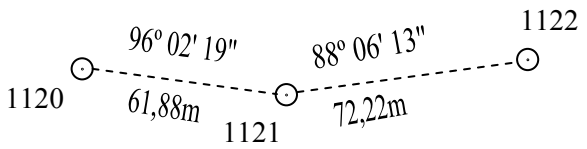
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1122

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại lớn có gắn quốc huy</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1122 đặt ở phía Đông đường sắt từ Đồng Đăng (Việt Nam) đi Bằng Tường (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2431717,68
18 677221,28</td><td rowspan="3">21° 58' 20,001"
106° 42' 56,545"</td><td>296,33
(2,00)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>294,33</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1121 đến mốc giới số 1122 là 88° 06' 13", khoảng cách là 72,22m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1122 đến mốc giới số 1123 là 29° 36' 40", khoảng cách là 239,44m.</td><td colspan="3"> 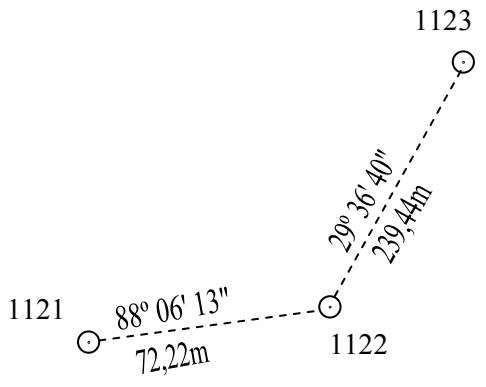
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1123

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 24 tháng 5 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1123 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2431925,85
18 677339,59</td><td rowspan="3">21° 58' 26,722"
106° 43' 00,748"</td><td>355,72
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>354,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1122 đến mốc giới số 1123 là 29° 36' 40", khoảng cách là 239,44m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1123 đến mốc giới số 1124 là 64° 40' 46", khoảng cách là 420,27m.</td><td colspan="3"> 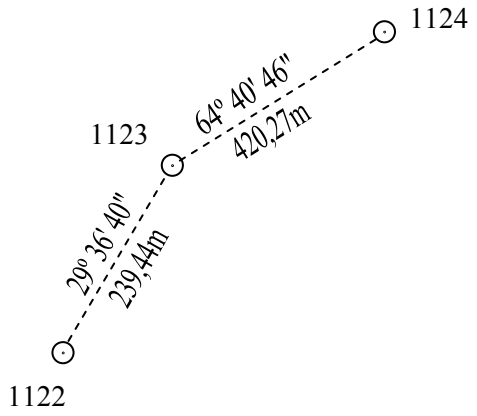
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1124

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1124 đặt trên đỉnh núi Co Mìn.</td><td rowspan="3">2432105,59
18 677719,48</td><td rowspan="3">21° 58' 32,425"
106° 43' 14,054"</td><td>405,18
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>403,68</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1123 đến mốc giới số 1124 là 64° 40' 46", khoảng cách là 420,27m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1124 đến mốc giới số 1125 là 34° 13' 31", khoảng cách là 320,37m.</td><td colspan="3"> 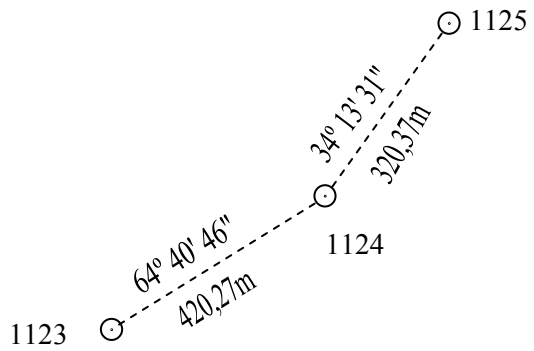
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1125

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 11 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1125 đặt trên dốc núi.</td><td rowspan="3">2432370,48
18 677899,67</td><td rowspan="3">21° 58' 40,967"
106° 43' 20,436"</td><td>370,46
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>368,86</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1124 đến mốc giới số 1125 là 34° 13' 31", khoảng cách là 320,37m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1125 đến mốc giới số 1126 là 32° 27' 52", khoảng cách là 112,56m.</td><td colspan="3"> 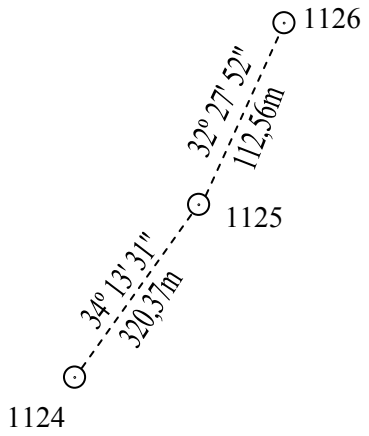
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1126

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1126 đặt trên đỉnh núi nhỏ.</td><td rowspan="3">2432465,45
18 677960,09</td><td rowspan="3">21° 58' 44,032"
106° 43' 22,579"</td><td>362,30
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>360,80</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1125 đến mốc giới số 1126 là 32° 27' 52", khoảng cách là 112,56m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1126 đến mốc giới số 1127 là 40° 11' 50", khoảng cách là 271,95m.</td><td colspan="3"> 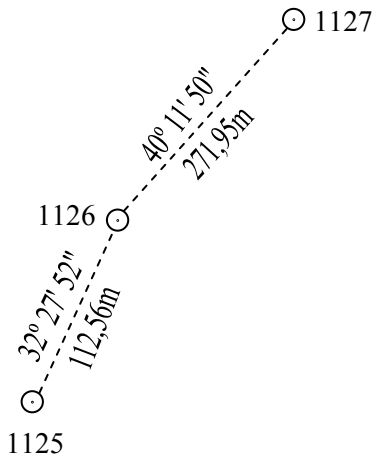
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1127

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 01 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1127 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2432673,17
18 678135,61</td><td rowspan="3">21° 58' 50,717"
106° 43' 28,775"</td><td>431,85
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>430,25</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1126 đến mốc giới số 1127 là 40° 11' 50", khoảng cách là 271,95m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1127 đến mốc giới số 1128 là 28° 52' 10", khoảng cách là 788,66m.</td><td colspan="3"> 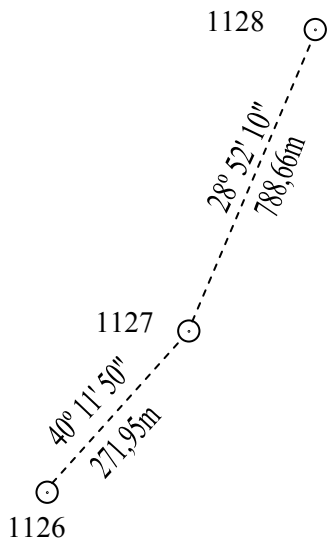
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1128

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 8 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1128 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2433363,82
18 678516,39</td><td rowspan="3">21° 59' 13,022"
106° 43' 42,315"</td><td>612,47
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>610,97</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1127 đến mốc giới số 1128 là 28° 52' 10", khoảng cách là 788,66m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1128 đến mốc giới số 1129 là 13° 09' 39", khoảng cách là 917,10m.</td><td colspan="3"> 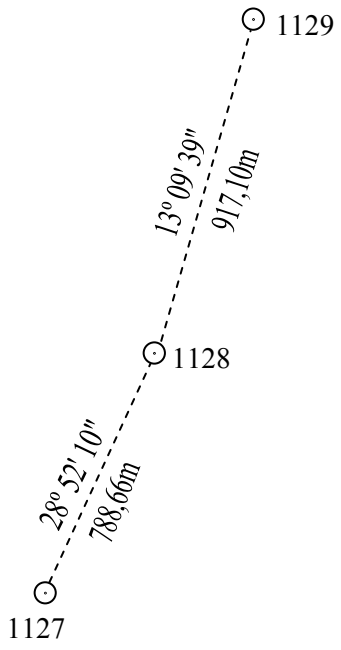
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1129

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 12 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1129 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2434256,83
18 678725,20</td><td rowspan="3">21º 59' 41,964"
106º 43' 49,942"</td><td>614,29
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>612,69</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1128 đến mốc giới số 1129 là 13º 09' 39", khoảng cách là 917,10m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1129 đến mốc giới số 1130 là 32º 39' 31", khoảng cách là 311,38m.</td><td colspan="3"> 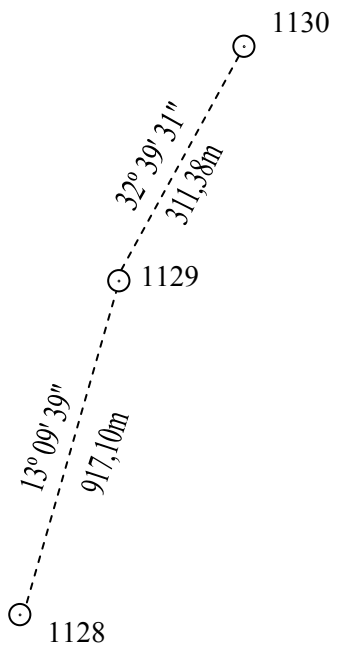
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1130

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1130 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2434518,98
18 678893,23</td><td rowspan="3">21° 59' 50,422"
106° 43' 55,901"</td><td>552,28
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>550,78</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1129 đến mốc giới số 1130 là 32° 39' 31", khoảng cách là 311,38m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1130 đến mốc giới số 1131 là 42° 09' 32", khoảng cách là 326,69m.</td><td colspan="3"> 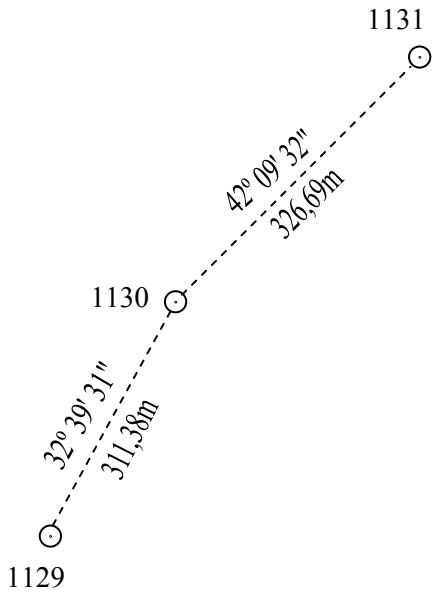
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1131

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 12 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1131 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2434761,15
18 679112,50</td><td rowspan="3">21° 59' 58,211"
106° 44' 03,637"</td><td>610,41
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>608,81</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1130 đến mốc giới số 1131 là 42° 09' 32", khoảng cách là 326,69m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1131 đến cột mốc số 1132(1) là 67° 05' 07", khoảng cách là 242,96m.</td><td colspan="3"> 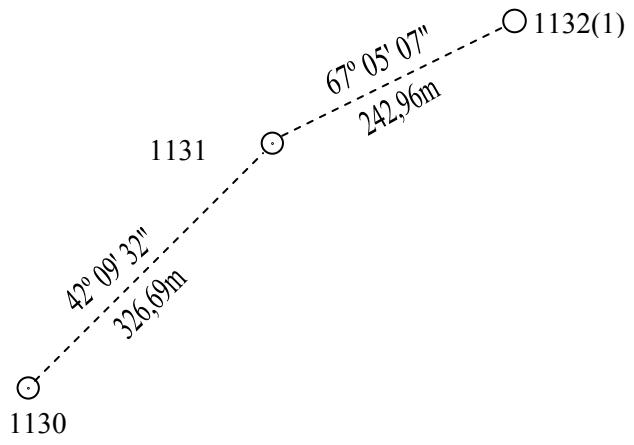
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 1132(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 01 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(°'")
L(°'")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 1132(1) đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của khe núi không tên với suối Lũng Choáng (suối không tên).
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(2) là 60,57m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc1132(1) là 55,88m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(3) là 40,63m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(1) là 26,87m.
Khoảng cách từ cột mốc 1132(1) đến giao điểm của trung tuyến đáy khe núi không tên và trung tuyến dòng chảy của suối Lũng Choáng (suối không tên) là 75,46m.</td><td rowspan="3">2434855,75
18 679336,29</td><td rowspan="3">22° 00' 01,202"
106° 44' 11,473"</td><td>505,28
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>503,68</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1131 đến cột mốc số 1132(1) là 67° 05' 07", khoảng cách là 242,96m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến cột mốc số 1132(2) là 91° 20' 01", khoảng cách là 116,45m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến cột mốc số 1132(3) là 165° 28' 55", khoảng cách là 67,50m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(2) đến cột mốc số 1132(3) là 237° 48' 42", khoảng cách là 117,57m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến mốc giới số 1133 là 357° 26' 42", khoảng cách là 804,22m.</td><td colspan="3"> 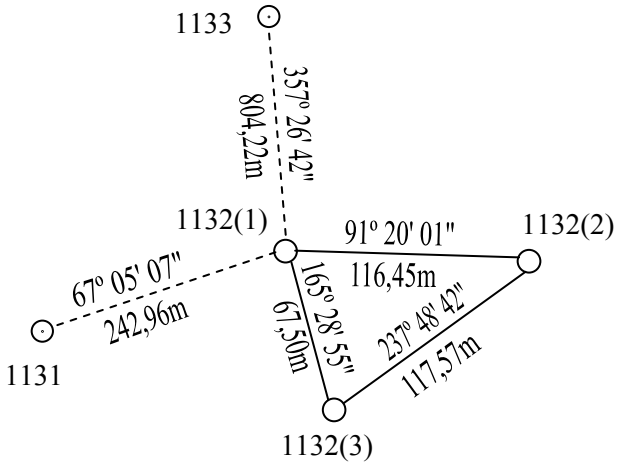
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 1132(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 1132(2) đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của khe núi không tên với suối Lũng Choáng (suối không tên).
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(2) là 60,57m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc1132(1) là 55,88m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(3) là 40,63m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(1) là 26,87m.
Khoảng cách từ cột mốc 1132(2) đến giao điểm của trung tuyến đáy khe núi không tên và trung tuyến dòng chảy của suối Lũng Choáng (suối không tên) là 50,40m.</td><td rowspan="3">2434853,04
18 679452,71</td><td rowspan="3">22° 00' 01,071"
106° 44' 15,529"</td><td>496,22
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>494,72</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1131 đến cột mốc số 1132(2) là 74° 53' 07", khoảng cách là 352,40m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến cột mốc số 1132(2) là 91° 20' 01", khoảng cách là 116,45m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến cột mốc số 1132(3) là 165° 28' 55", khoảng cách là 67,50m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(2) đến cột mốc số 1132(3) là 237° 48' 42", khoảng cách là 117,57m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(2) đến mốc giới số 1133 là 349° 18' 12", khoảng cách là 820,39m.</td><td colspan="3"> 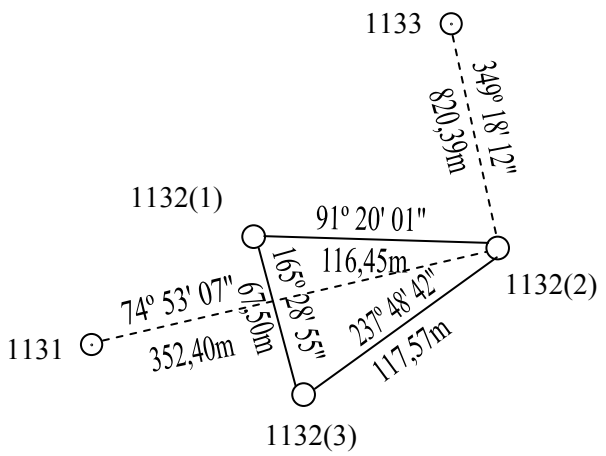
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 1132(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(°'")
L(°'")</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Cột mốc số 1132(3) đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của khe núi không tên với suối Lũng Choáng (suối không tên)
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(2) là 60,57m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc1132(1) là 55,88m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(3) là 40,63m.
Khoảng cách từ cột mốc số 1132(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 1132(1) là 26,87m.
Khoảng cách từ cột mốc 1132(3) đến giao điểm của trung tuyến đáy khe núi không tên và trung tuyến dòng chảy của suối Lũng Choáng (suối không tên) là 67,05m.</td><td rowspan="4">2434790,41
18 679353,21</td><td rowspan="4">21° 59' 59,073"
106° 44' 12,037"</td><td>493,98
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td rowspan="2">492,48</td></tr>
<tr></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1131 đến cột mốc số 1132(3) là 83° 04' 09", khoảng cách là 242,48m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến cột mốc số 1132(2) là 91° 20' 01", khoảng cách là 116,45m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(1) đến cột mốc số 1132(3) là 165° 28' 55", khoảng cách là 67,50m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(2) đến cột mốc số 1132(3) là 237° 48' 42", khoảng cách là 117,57m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(3) đến mốc giới số 1133 là 356° 31' 26", khoảng cách là 870,36m.</td><td colspan="3"> 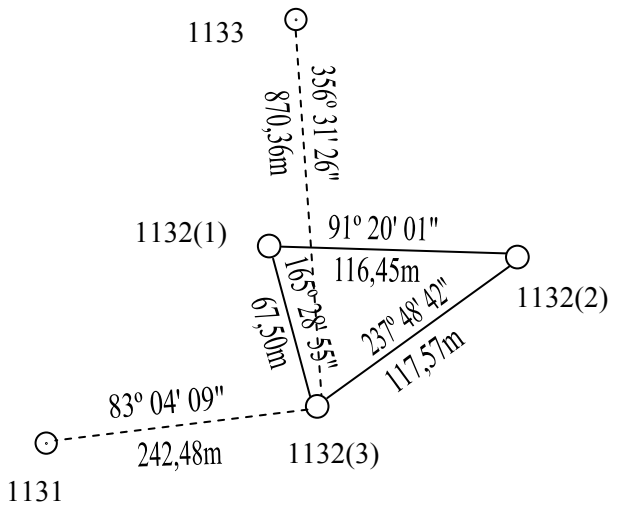
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1133

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 12 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "）
L(° ' "）</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1133 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2435659,17
18 679300,44</td><td rowspan="3">22° 00' 27,324"
106° 44' 10,541"</td><td>765,88
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>764,28</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 1132(3) đến mốc giới số 1133 là 356° 31' 26", khoảng cách là 870,36m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1133 đến mốc giới số 1133/1 là 96° 32' 03", khoảng cách là 156,24m.</td><td colspan="3"> 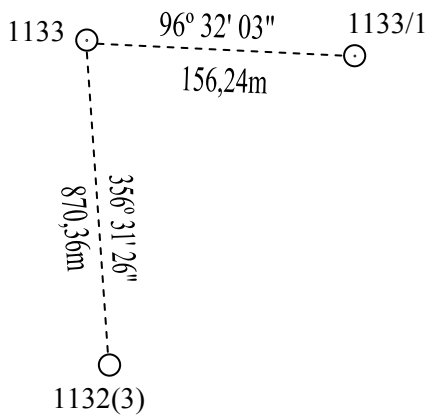
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1133/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 30 tháng 11 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1133/1 đặt trên yên ngựa.	2435641,39 18 679455,67	22° 00' 26,688" 106° 44' 15,944	717,86 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			716,66
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1133 đến mốc giới số 1133/1 là 96° 32' 03", khoảng cách là 156,24m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1133/1 đến mốc giới số 1133/2 là 81° 07' 21", khoảng cách là 639,37m.	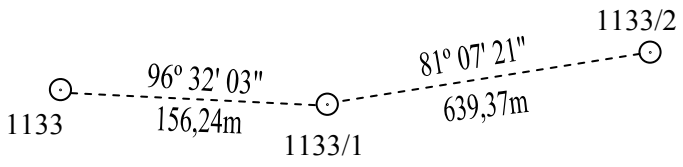		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1133/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 12 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1133/2 đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn.</td><td rowspan="3">2435740,06
18 680087,38</td><td rowspan="3">22° 00' 29,662"
106° 44' 37,998"</td><td>511,32
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>510,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1133/1 đến mốc giới số 1133/2 là 81° 07' 21", khoảng cách là 639,37m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1133/2 đến mốc giới số 1134 là 78° 05' 54", khoảng cách là 145,66m.</td><td colspan="3"> 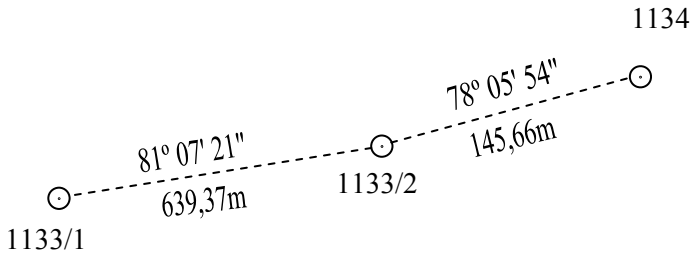
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1134

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 01 tháng 12 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1134 đặt trên sống núi.	2435770,10 18 680229,91	22° 00' 30,585" 106° 44' 42,977"	600,84 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			599,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1133/2 đến mốc giới số 1134 là 78° 05' 54", khoảng cách là 145,66m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1134 đến mốc giới số 1135 là 83° 15' 56", khoảng cách là 232,89m.	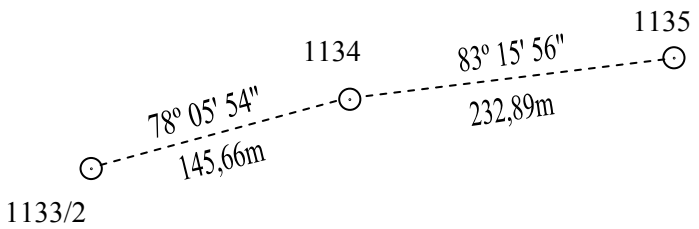		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1135

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 11 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1135 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2435797,41
18 680461,19</td><td rowspan="3">22° 00' 31,386"
106° 44' 51,047"</td><td>595,17
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>593,57</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1134 đến mốc giới số 1135 là 83° 15' 56", khoảng cách là 232,89m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1135 đến mốc giới số 1136 là 72° 40' 27", khoảng cách là 842,40m.</td><td colspan="3"> 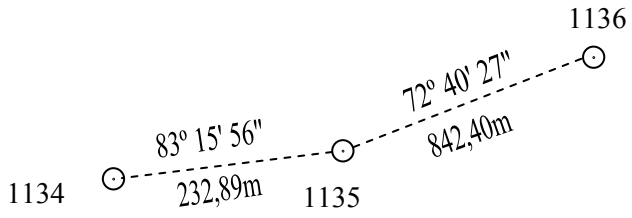
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1136

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 7 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1136 đặt trên đỉnh núi Khau Khẻ.</td><td rowspan="3">2436048,28
18 681265,37</td><td rowspan="3">22° 00' 39,239"
106° 45' 19,172"</td><td>743,10
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>741,60</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1135 đến mốc giới số 1136 là 72° 40' 27", khoảng cách là 842,40m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1136 đến mốc giới số 1137 là 83° 38' 38", khoảng cách là 815,48m.</td><td colspan="3"> 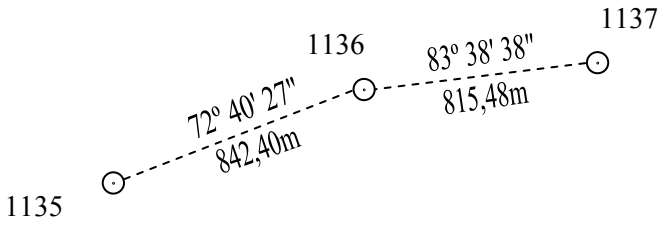
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1137

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 5 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1137 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2436138,56
18 682075,84</td><td rowspan="3">22° 00' 41,869"
106° 45' 47,452"</td><td>532,75
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>531,15</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1136 đến mốc giới số 1137 là 83° 38' 38", khoảng cách là 815,48m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1137 đến mốc giới số 1138 là 80° 24' 27", khoảng cách là 644,33m.</td><td colspan="3"> 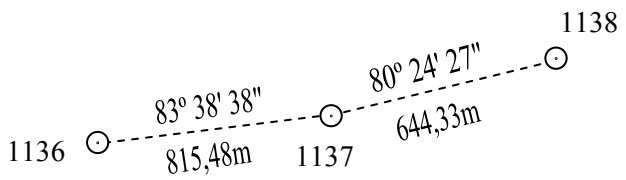
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1138

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 7 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1138 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2436245,93
18 682711,16</td><td rowspan="3">22° 00' 45,120"
106° 46' 09,636"</td><td>497,28
(1,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>495,78</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1137 đến mốc giới số 1138 là 80° 24' 27", khoảng cách là 644,33m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1138 đến mốc giới số 1138/1 là 125° 59' 01", khoảng cách là 417,00 m.</td><td colspan="3"> 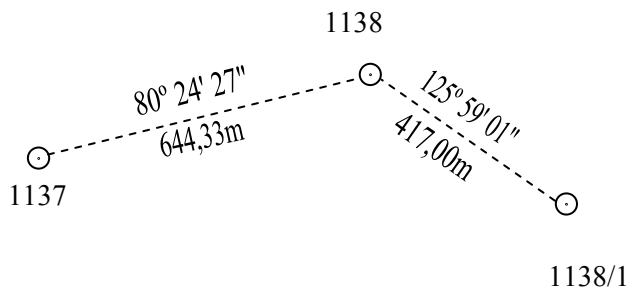
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1138/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn phụ, loại nhỏ</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1138/1 đặt trên sống núi.</td><td rowspan="3">2436000,92
18 683048,59</td><td rowspan="3">22° 00' 37,031"
106° 46' 21,295"</td><td>365,40
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>364,20</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1138 đến mốc giới số 1138/1 là 125° 59' 01", khoảng cách là 417,00m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1138/1 đến mốc giới số 1138/2 là 143° 45' 06", khoảng cách là 154,85m.</td><td colspan="3"> 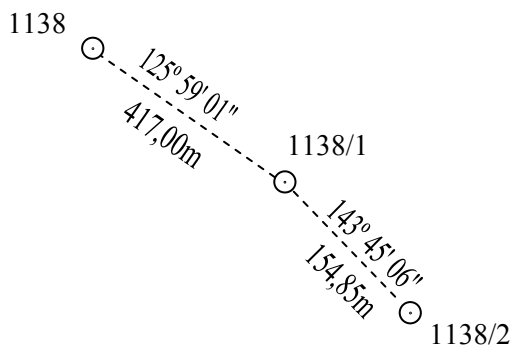
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1138/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 3 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 1138/2 đặt trên sống núi.	2435876,04 18 683140,15	22° 00' 32,939" 106° 46' 24,436"	352,05 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			350,85
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1138/1 đến mốc giới số 1138/2 là 143° 45' 06", khoảng cách là 154,85m. Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1138/2 đến mốc giới số 1139 là 100° 30' 21", khoảng cách là 186,14m.	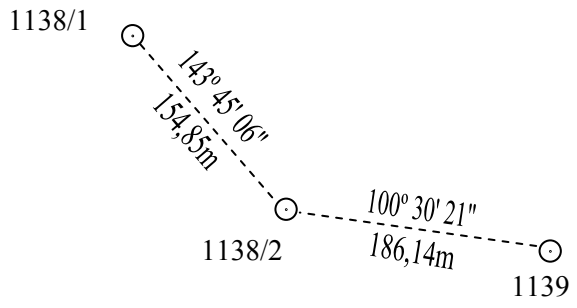		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1139

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 12 năm 2007</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' "')
L(° ' "')</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1139 đặt trên đỉnh núi.</td><td rowspan="3">2435842,10
18 683323,17</td><td rowspan="3">22° 00' 31,766"
106° 46' 30,800"</td><td>379,12
(1,60)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>377,52</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1138/2 đến mốc giới số 1139 là 100° 30' 21", khoảng cách là 186,14m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1139 đến mốc giới số 1140 là 145° 50' 36", khoảng cách là 245,90m.</td><td colspan="3"> 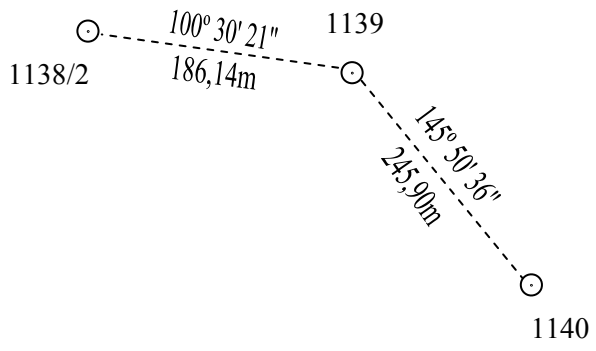
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 1140

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại trung</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 4 năm 2008</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Mốc giới số 1140 đặt ở phía Tây Bắc đường cái từ bản Pò Nhùng (Việt Nam) đi bản Jiao Ce (Trung Quốc).</td><td rowspan="3">2435638,62
18 683461,23</td><td rowspan="3">22° 00' 25,103"
106° 46' 35,529"</td><td>317,13
(3,54)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>313,59</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1139 đến mốc giới số 1140 là 145° 50' 36", khoảng cách là 245,90m.
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 1140 đến mốc giới số 1141 là 145° 16' 20", khoảng cách là 56,66m.</td><td colspan="3"> 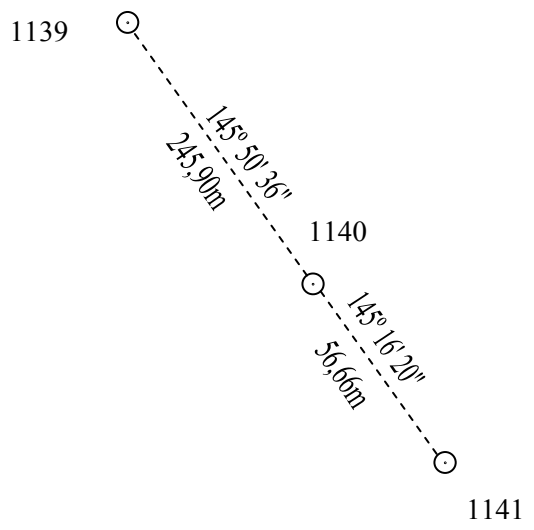
</td></tr>
</table>

(Xem tiếp Công báo số 674 + 675)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng